



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN TIỀN BỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 86 /2020/CV-TTB

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 04 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
Quý cổ đông Công ty cổ phần tập đoàn Tiên Bộ (TTB).

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN BỘ**

Mã chứng khoán: **TTB**

Trụ sở chính: Tổ 02, Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 0208 3 75 66 99

Email: Chungcutienbo@gmail.com

Người thực hiện công bố thông tin: Phùng Văn Thái – Tổng giám đốc

Địa chỉ: Tổ 02, Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 0917 387 222

Cơ quan: 0208 3 75 66 99

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Bộ công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2019.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ:

<http://tienbo.vn/thong-tin-co-dong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP;
- Ban TK HĐQT&QHCD.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Phùng Văn Thái



TTB

Gia tăng niềm tin - Hợp tác phát triển

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN

TIẾN BỘ

Tien Bo Group Joint Stock Company
(Tien Bo Group)

THÔNG TIN TỔNG QUAN

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Bộ

Giấy ĐKKD : 4600359768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 05/03/2008 thay đổi lần thứ 13 ngày 25/07/2018.

Vốn điều lệ : 468.269.540.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi tám tỷ, hai trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng./.)

Địa chỉ: Tổ 2, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Số điện thoại : (84-208) 3 756 699

Mã cổ phiếu: TTB

Website : www.tienbo.vn

Logo :  **TTB**
Giá tăng niềm tin - Hợp tác phát triển

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1998: Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tiến Bộ được thành lập với ngành nghề kinh doanh chính là: Sản xuất vật liệu xây dựng, Bất động sản, sản xuất cầu lông, kinh doanh thương mại thép.

Ngày 05/03/2008: Công ty cổ phần Tập Đoàn Tiến Bộ chính thức cổ phần hóa, đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Công ty.

Ngày 14/12/2009: Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận là Công ty đại chúng theo công văn số 2876/UBCK-QLPH.

Ngày 26/01/2015: Công ty đã chính thức được niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 17/08/2018: Công ty chuyển niêm yết cổ phiếu sang Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.



CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT 2019

Ngày 15/1/2019: Công ty cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ (TTB Group) đã vinh dự đón nhận Huân chương lao động Hạng III do Đảng và Nhà nước trao tặng. Đối với tập thể lãnh đạo và CBCNV đây là một sự kiện trọng đại, đánh dấu bước trưởng thành và phát triển vượt bậc, được Đảng và Nhà nước ghi nhận công lao đóng góp của Công ty đối với nền Kinh tế – Xã hội của nước nhà nói chung và Thái Nguyên nói riêng.



Huân chương lao động hạng III – Giải thưởng danh giá của sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng nghỉ vì sự phát triển chung cho xã hội và cộng đồng của TTB Group



Lễ ký kết đánh dấu bước phát triển mới giữa TTB Group và Ngân hàng NCB

Ngày 25/2/2019: Lễ ký kết hợp tác hỗ trợ vay vốn cho khách hàng khi mua nhà của dự án Green City Bắc Giang giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ (TTB Group) với Ngân hàng thương mại cổ phần NCB đã diễn ra tại Văn Phòng của dự án Green City Bắc Giang.

Ngày 23/3/2019: Tại Khu đô thị TBCO Riverside đã diễn ra “Lễ phát động Tết trồng cây với chủ đề đời đời nhớ ơn Bác Hồ” do Công đoàn, đoàn TNCS Hồ Chí Minh công ty cùng phối hợp tổ chức. Đến dự lễ phát động có sự góp mặt của Ban Lãnh Đạo công ty, Ông Thân Thanh Dũng – Phó Tổng Giám đốc công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đến tham dự.



Đại diện Ban lãnh đạo cùng CBCNV công ty thực hiện trồng cây trong khu đô thị



TTB Group là một trong 30 đơn vị nhận được giải thưởng lần này

Ngày 06/05/2019: TTB Group vinh dự và tự hào khi là 01 trong 30 đơn vị, doanh nghiệp đón nhận giải thưởng cao quý “Thương hiệu bất động sản xuất sắc Việt Nam 2019”. Đây chính là minh chứng cho sự đoàn kết, sáng tạo của cả một tập thể, cống hiến hết mình vào sự phát triển toàn diện của đất nước.

Ngày 19/05/2019: Tại dự án Green City, phường Thọ Xương, TP.Bắc Giang đã diễn ra “Lễ mở bán căn hộ chung cư Green City Bắc Giang. Green City – đón đầu sự phát triển hưng thịnh”.



Từng giải thưởng có giá trị đã được trao đến tay khách hàng



Lễ cắt nóc dự án Green City Bắc Giang

Ngày 12/07/2019: Tại dự án Green City, phường Thọ Xương, TP.Bắc Giang đã diễn ra “Lễ cất nóc tòa nhà CT1 và CT1A” dự án Green City. Đây là dấu ấn lớn đánh dấu sự thành công bước đầu trong quá trình xây dựng và hình thành dự án.

Ngày 10/10/2019: Thành ủy – HĐND – UBND – Ủy ban MTTQ thành phố Thái Nguyên phối hợp với Hội Doanh nghiệp thành phố tổ chức lễ kỷ niệm ngày Doanh nhân Việt Nam 13/10/2019 và khen thưởng “Doanh nghiệp xuất sắc”, “Doanh nhân tiêu biểu” năm 2019. Công ty cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ (TTB Group) vinh dự đón nhận cả hai giải thưởng cao quý này.



Đại diện TTB Group đón nhận giải thưởng cao quý

Ngày 26/10/2019: TTB Group đã long trọng tổ chức lễ khởi công tòa lotus 2 – chung cư Green City Bắc Giang nằm trên đường Trần Quang Khải, phường Thọ Xương, TP.Bắc Giang. Đây là tòa chung cư thứ 3 thuộc dự án Green City, 1 trong những dự án chung cư trọng điểm của thành phố.



Lễ khởi công tòa nhà Lotus 2 – dự án Green City Bắc Giang



Đại diện TTB Group, Ông Trần Ngọc Sinh phát biểu

Ngày 11/11/2019: Tại văn phòng dự án Green City, đường Trần Quang Khải, phường Thọ Xương, TP.Bắc Giang đã diễn ra “lễ ra quân dự án Green City”, đây chính là điểm hẹn cho những “tay đua” sẵn sàng xuất phát và tăng tốc trên đường đua, quét sạch quỹ hàng căn hộ tại dự án Green City cũng như lan tỏa sức nóng của dự án đến với các khách hàng tiềm năng.

Ngày 18/12/2019: Tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Hà Nội, Trung Ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Trung Ương Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam đã tổ chức Lễ kỷ niệm 20 năm và trao Giải thưởng Sao đỏ – Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu 2019. Ông Phùng Văn Bộ – Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ (TTB Group) tự hào khi là một trong những doanh nhân Việt Nam tiêu biểu chinh phục thành công giải thưởng Sao đỏ 2019.



Ông Phùng Văn Bộ – Chủ tịch HĐQT TTB Group vinh dự nhận được giải thưởng Top 10 Sao đỏ – Doanh nhân trẻ Việt Nam tiêu biểu 2019.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Kinh doanh Bất động sản – TTB Home

Xây dựng nhà chung cư

Địa bàn kinh doanh: Thái Nguyên,
Bắc Giang, Lạng Sơn



Kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng – TTB Condotel

Địa bàn kinh doanh: Thái Nguyên



Sản xuất cầu lông thi đấu – TTB Badminton

Máy móc thiết bị chuyên dụng hiện đại

Sản lượng trung bình khoảng 5 triệu quả/năm

Địa bàn kinh doanh: Thái Nguyên, Bắc Giang, Hưng Yên, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn...



Kinh doanh thương mại thép – TTB Steel

Đại lý phân phối thép cấp I của CTCP gang thép Thái Nguyên

Địa bàn kinh doanh: Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh,...



Kinh doanh dịch vụ nhà hàng – TTB Restaurant

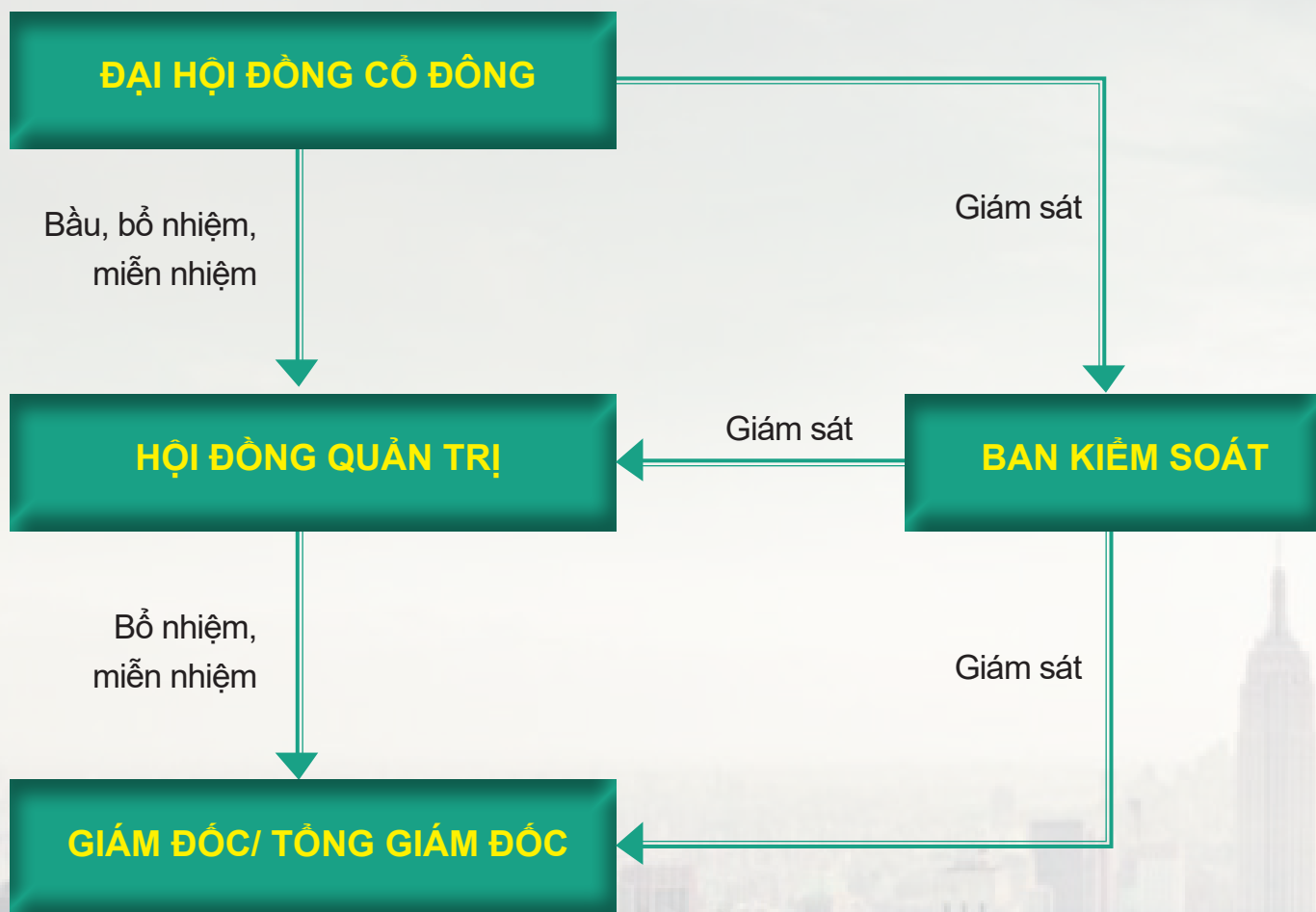
Kinh doanh các món nướng, lẩu

Địa bàn kinh doanh: 02 nhà hàng tại Thái Nguyên

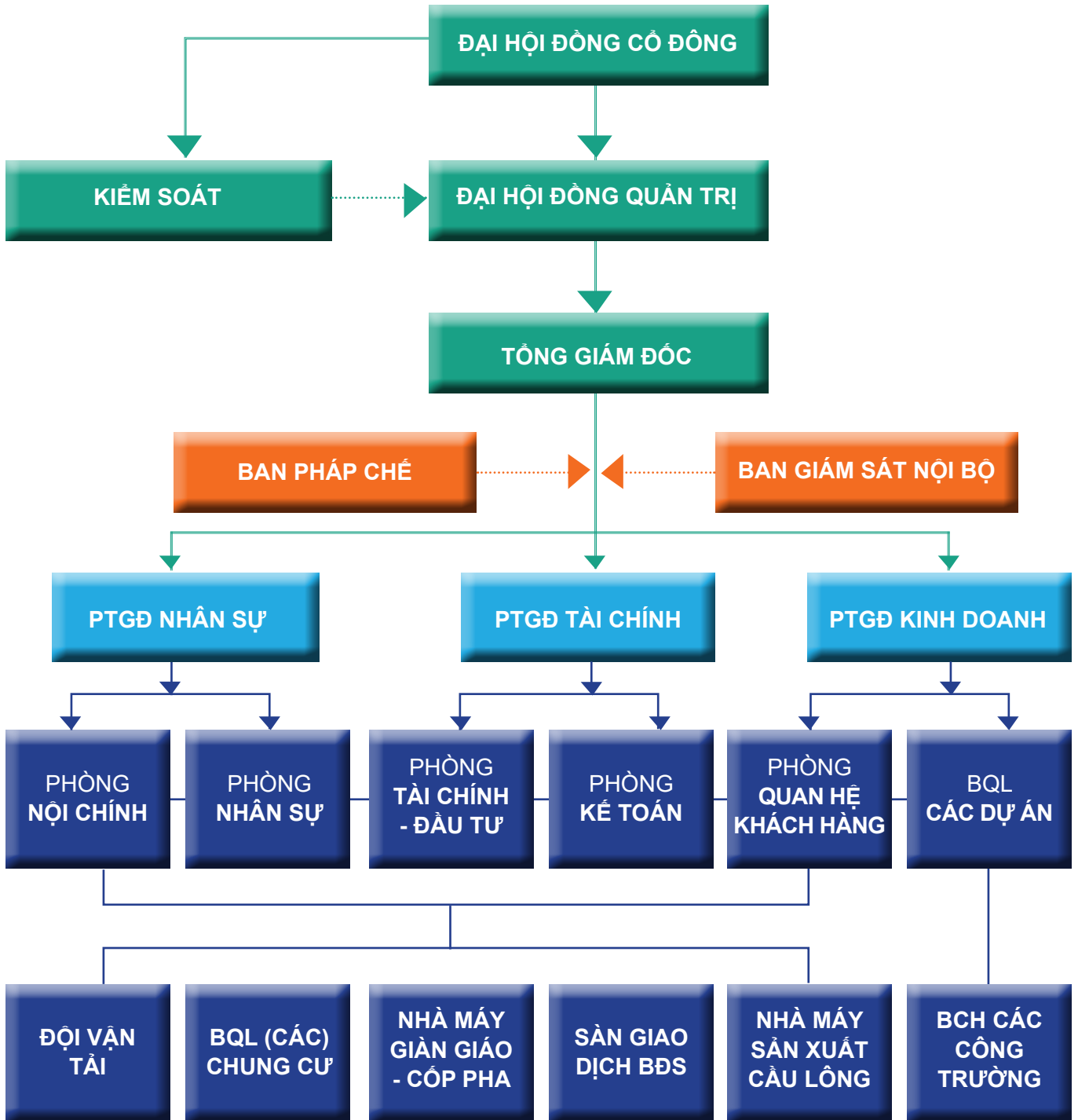


THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị thực góp (tỷ đồng)	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính
Công ty cổ phần TTB Invest	Tổ 5, phường Quang Vinh, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	135	48,15%	65	<ul style="list-style-type: none">- Xây dựng nhà để ở- Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Công ty Cổ phần Thương mại tổng hợp Thái Nguyên	Tổ 24, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	71,2	43,15%	30,72	<ul style="list-style-type: none">- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày- Bán buôn kim loại và quặng kim loại- Bán buôn vật liệu và thiết bị trong ngành xây dựng- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Cộng		206,2		95,72	



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Với mục tiêu đạt top đầu Công ty tư nhân lớn nhất tại Thái Nguyên, Công ty phát triển Bất động sản lớn nhất Thái Nguyên, top 5 Công ty sản xuất cầu lông thi đấu tại Việt Nam.... Tập đoàn Tiến Bộ xác định mục tiêu chiến lược giai đoạn 201đ – 2023 như sau:



Tầm nhìn

- Lọt top 100 Tập đoàn kinh tế tư nhân lớn nhất Việt Nam.
- Giữ vững vị trí số 1 về phát triển Bất động sản tầm Trung tại khu vực đông Bắc Bộ và tiếp tục triển khai mở rộng các dự án tại các tỉnh thành khác trong cả nước.
- Trở thành 1 trong 5 Công ty sản xuất cầu lông lớn nhất cả nước.
- Trở thành nhà phân phối Thép (TTB Steel) lớn nhất khu vực Trung du miền núi Bắc Bộ.
- Các mảng kinh doanh, dịch vụ khác như: chuỗi nhà hàng TTB Restaurant, Nghỉ dưỡng TTB Condotel... tiếp tục phát triển và khẳng định vị thế tại Thái Nguyên.

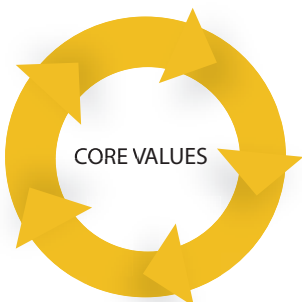


Sứ mệnh

Cung cấp những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất đến khách hàng, nâng cao giá trị cuộc sống.

Triết lý doanh nghiệp

TTB xây dựng niềm tin từ sự hài lòng của khách hàng, gia tăng niềm tin – hợp tác phát triển.



Giá trị cốt lõi

Trách nhiệm – Năng động – Sáng tạo – Chuyên nghiệp – Hiệu quả

Mục tiêu khác

- Đào tạo tuyển dụng nhân sự có chất lượng cao có tính kế thừa và bền vững đáp ứng yêu cầu quốc tế hóa và phát triển của Công ty.
- Từng bước tiến dần không hạn chế tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty; tham gia thị trường tài chính quốc tế bằng việc phát hành chứng khoán quốc tế và niêm yết chứng khoán của Công ty tại thị trường nước ngoài.
- Tham gia tạo lập quỹ đầu tư bất động sản trong và ngoài nước.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Qua giai đoạn hình thành và trưởng thành hơn 20 năm, Công ty đã mở rộng phát triển cả về bề rộng và chiều sâu trong nhiều ngành, lĩnh vực đầu tư của nền kinh tế: Bất động sản, nghỉ dưỡng, dịch vụ, thương mại, sản xuất... Sang giai đoạn phát triển tiếp theo, kế hoạch 05 năm, cùng với sự điều chỉnh cơ cấu kinh tế vĩ mô của Nhà nước, Công ty xác định tái cơ cấu lại các lĩnh vực kinh doanh, tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và xây dựng lại hệ thống quản lý Công ty với các lĩnh vực cụ thể như sau:

Lĩnh vực đầu tư phát triển dự án và xây dựng

- Tập trung phát triển các dự án Bất động sản địa phương, các tỉnh có mức độ tăng trưởng cao, thu hút vốn đầu tư FDI lớn như Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Lạng Sơn....
- Đa dạng các loại hình sản phẩm đầu tư: Căn hộ, đất nền, nhà liền kề, biệt thự, dịch vụ condotel nghỉ dưỡng, khách sạn,.....
- Phát triển một đơn vị xây dựng mạnh trong vòng 5 năm.
- đóng vai trò là chủ đầu tư các dự án có quy mô lớn với tiến độ và chất lượng tốt nhất.

Lĩnh vực sản xuất

- Đầu tư mở rộng lĩnh vực sản xuất cầu lông, đưa sản phẩm tiến mạnh hơn nữa vào miền Trung và Miền Nam.
- Sản xuất các sản phẩm tiềm năng khác như: Nội thất, dụng cụ chăm sóc sức khỏe....

Lĩnh vực thương mại và dịch vụ

- Phát triển chuỗi hệ thống cửa hàng phân phối thép, tập trung vào các địa phương, tỉnh thành có tốc độ công nghiệp hóa cao.
- Các dịch vụ nghỉ dưỡng, condotel, nhà hàng, coffee tiếp tục được mở rộng và nâng cao chất lượng.
- Nghiên cứu đầu tư các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, làm đẹp...



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Đối với sản phẩm

TTB luôn nỗ lực cung cấp sản phẩm với chất lượng tốt nhất, không ngừng hoàn thiện và phát triển sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Đối với Pháp lý

Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các yêu cầu của luật Lao động, luật Doanh nghiệp và các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan.

Đối với văn hóa

Thực hiện văn hóa doanh nghiệp: Tiết kiệm ở mọi lĩnh vực, xây dựng môi trường làm việc và chính sách lương thưởng cho người lao động, tạo nét văn hóa riêng của công ty.

Đối với môi trường

Xây dựng mô hình hoạt động sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường, an toàn cho người lao động.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro được hình thành từ sự biến động của các nhân tố kinh tế cơ bản như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Các doanh nghiệp, với vai trò là một trong các chủ thể của nền kinh tế cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố trên.

RỦI RO LÃI SUẤT

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng cũng có những rủi ro nhất định đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ. Tuy nhiên rủi ro này không quá lớn vì tỷ lệ nợ trên tổng tài sản chỉ 0,56 lần. Bên cạnh đó, do điều kiện thị trường thuận lợi và chính sách duy trì lãi suất thấp để ổn định hoạt động sản xuất, hồi phục kinh tế của nhà nước, lãi suất tiếp tục được kỳ vọng không có sự thay đổi lớn trong ngắn hạn.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty. Hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay chưa được hoàn chỉnh, việc vận dụng pháp luật vào thực tế còn nhiều khó khăn. Sự điều chỉnh của các văn bản luật thuộc lĩnh vực kinh doanh của công ty thiếu nhất quán, thiếu ổn định và có những quy định chồng chéo nhau, đôi khi các văn bản hướng dẫn thi hành chưa đầy đủ, thiếu cập nhật gây khó khăn trong việc áp dụng. Tuy nhiên, Việt Nam đã gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) nên môi trường pháp

lý dần hoàn thiện và tuân theo các quy định chung của quốc tế. Để hạn chế rủi ro về luật pháp này, Công ty luôn chủ động, thường xuyên cập nhật quy định pháp luật, tìm hiểu, nghiên cứu về các thay đổi của pháp luật đồng thời thông tin kịp thời tới toàn thể cán bộ, nhân viên và cổ đông của Công ty.

RỦI RO ĐẶC THÙ

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản việc tìm kiếm dự án, công tác đền bù, giải tỏa liên quan đến các dự án sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ của dự án, công trình và sẽ tác động đến tình hình hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Trong hoạt động xây dựng cơ bản, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần và tại Việt Nam hiện nay việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Do vậy, đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tài chính của các công ty xây dựng, đặc biệt là tình hình công nợ phải thu, phải trả và dòng tiền hoạt động. Bên cạnh đó, giá cả các yếu tố đầu vào của ngành xây dựng, đặc biệt là thép và xi măng luôn biến động bất thường làm ảnh hưởng đến chi phí, tác động đến việc tăng giá vốn của các sản phẩm kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, nền kinh tế đang tăng trưởng, nhu cầu về nhà ở, thuê cao ốc, văn phòng và đầu tư hạ tầng cơ sở đang tăng cao, Công ty đã có uy tín trong ngành, và có đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm nên việc đảm bảo được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đặt ra là khả thi.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Các rủi ro như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn,...là những rủi ro bất khả kháng, nếu có xảy ra thì sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đặc biệt là dịch Covid -19 đang diễn biến phức tạp từ cuối năm 2019.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Với quyết tâm cao trong chỉ đạo, điều hành, lãnh đạo TTB đã chủ động xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, tập trung nâng cao hiệu quả công tác quản trị, tạo sự đồng thuận của người lao động trong Công ty.

Thuận lợi và khó khăn khu thực hiện kế hoạch

Những thuận lợi

Tình hình chính trị - xã hội của đất nước ổn định; tăng trưởng kinh tế của Việt Nam tương đối cao so với các nước trong khu vực; TTB luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, kịp thời của Đảng và Chính phủ, sự hỗ trợ tích cực của các Bộ, Ban/ngành, các Tổ chức đoàn thể Trung ương và các địa phương liên quan.

Bộ máy cơ quan Tập đoàn sau khi tái cấu trúc đã được tinh gọn, giảm bớt khâu trung gian, tính chuyên nghiệp và kỷ cương được thiết lập lại chặt chẽ, công tác quản trị doanh nghiệp được nâng cao; TTB đã chủ động mở rộng thị trường ra các địa phương trong khu vực có FDI tăng cao.

Những khó khăn

Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung bắt đầu từ cuối tháng 3 năm 2018 chưa có dấu hiệu hạ nhiệt đã có những tác động tiêu cực không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Văn bản pháp luật về các mảng kinh doanh chính của Công ty có nhiều bất cập, chưa sát với thực tế trong nhiều khâu triển khai.

Trong năm qua, sự nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên TTB đã ghi được kết quả như sau:

STT	Chỉ tiêu	2018	2019	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	1,031,619,000,000	1,232,792,000,000	19.5
2	Tài sản ngắn hạn	662,020,000,000	719,243,000,000	8.6
3	Hàng tồn kho	142,001,000,000	135,481,000,000	(4.6)
4	Tổng nợ	528,691,000,000	698,169,000,000	32
5	Nợ ngắn hạn	231,413,000,000	398,030,000,000	72
6	Vốn chủ sở hữu	502,927,000,000	534,623,000,000	6.2
7	Doanh thu thuần	376,616,000,000	518,821,000,000	37.7
8	Lợi nhuận trước thuế	32,752,000,000	42,331,000,000	29.2
9	Lợi nhuận sau thuế	26,135,000,000	33,002,000,000	26.5

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu Vốn điều lệ
1	Ông Phùng Văn Thái	TGD	4,111,110	8.78
2	Ông Thân Thanh Dũng	Phó TGD thường trực	4,804,359	10.26
3	Bà Phùng Thị Nam	Phó TGD	471,276	1,01
4	Ông Trần Thanh Hà	Kế toán trưởng	0	0



CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM

Dự án Mở rộng khu chung cư TBCO giai đoạn III (Chung cư TBCO3)



Tên dự án: Mở rộng chung cư TBCO giai đoạn III (Chung cư TBCO3)

Tên tiếng anh: TBCO RIVESIDE

Địa điểm xây dựng: Phường Quang Vinh, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Tổng vốn đầu tư: 968 tỷ đồng Tổng diện tích thực hiện: 12,36 ha Quy mô dự án: Quy mô dự án gồm 6 block chung cư cao cấp từ 20 đến 25 tầng, 2 toà tháp đôi, các khu biệt thự liền kề, khu tâm linh, khu trung tâm thương mại, trường học, nhà trẻ, khu vui chơi giải trí, trung tâm thể dục thể thao, hồ sinh thái...

Thời gian thực hiện đầu tư: Từ Quý III/2015 – Quý IV/2022

Các hạng mục công việc đã hoàn thành:

- Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng đối với phần đất xây dựng chung cư và hạ tầng giao thông.
- Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng tòa nhà A4 Quý 4/2017. Các hạng mục sân đường giao thông, công trình phụ trợ, lát vỉa hè và trồng cây xanh tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp xung quanh tòa nhà này đã hoàn thành.
- Đã hoàn thiện tòa nhà A7 đưa vào bàn giao và sử dụng.
- Hoàn thiện phần móng tòa nhà A6 tháng 10/2018.

Các hạng mục công trình dự kiến thực hiện trong thời gian tới:

- Khởi công xây dựng tòa nhà A5, 2 block nhà thuộc đất nhà ở hỗn hợp, 2 tòa tháp đôi và hạ tầng kỹ thuật xung quanh: Quý III/2019 – Quý IV/2022.
- Khởi công xây dựng hồ điều hòa, công viên cây xanh và hạ tầng kỹ thuật: Quý II/2020 đến quý III/2022. - Hoàn thành và khai thác đưa vào sử dụng: Quý IV/2022.

Dự án Green City Bắc Giang

Thông tin Tổng quan

- Dự án tọa lạc tại khu dân cư đường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, bao gồm 04 tòa nhà chung cư cao tầng được quy hoạch xây dựng trên khuôn viên có diện tích 16.103 m² đất với mật độ xây dựng từ 35% đến 40%, cao 21 tầng, không có tầng hầm.
- Đây là khu vực sầm uất và thuận tiện giao thông nhất tại thành phố Bắc Giang. Cho đến hiện tại, Green City được đánh giá là dự án chung cư lớn nhất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Thông tin dự án

Tên Dự án: Green City – Bắc Giang

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ

Địa điểm xây dựng: Khu dân cư đường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Tổng vốn đầu tư: 1.213.725.200.000 đồng

Quy mô dự kiến của dự án gồm:

Đất xây dựng nhà ở: có diện tích khu đất 16.103m² với mật độ xây dựng 34% được thiết kế để xây dựng 04 tòa nhà cao 20 tầng và 1 tầng bán nổi, cung cấp dự kiến 1.136 căn hộ, cho dân cư.

- Diện tích đất để trồng cây xanh: 1.335m²
- Diện tích giao thông và vỉa hè: 8.566m²
- Diện tích bãi xe: 2.087m²

Các hạng mục công việc đã hoàn thành:

Quý VI/2019: Đã hoàn thành khu nhà mẫu.

Đã hoàn thiện cơ bản 02 tòa CT1 và CT1A để chuẩn bị đưa vào bàn giao.



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty liên kết:

Công ty cổ phần thương mại Tổng hợp Thái Nguyên

Mã số thuế:

Địa chỉ: tổ 24, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Vốn điều lệ: 71,2 tỷ đồng

Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Bán buôn quặng kim loại, Bán buôn vật liệu và thiết bị trong ngành xây dựng, Tư vấn môi giới đấu giá Bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Công ty Cổ phần TTB Invest

Mã số thuế: 4601524703

Địa chỉ: Tổ 5, P. Quang Vinh, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên

Vốn điều lệ: 135 tỷ đồng

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng nhà để ở, Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Tư vấn môi giới đấu giá Bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Mục tiêu: Hỗ trợ TTB trong lĩnh vực xây dựng nhà chung cư

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2018	2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1,031,619,000,000	1,232,792,000,000	19.5
Doanh thu thuần	376,616,000,000	518,821,000,000	37.7
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28,587,408,828	45,178,380,040	58
Lợi nhuận khác	4,165,402,985	-2,846,484,014	131
Lợi nhuận trước thuế	32,752,000,000	42,331,000,000	29.2
Lợi nhuận sau thuế	26,135,000,000	33,002,000,000	26.5
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5.70	7.20	26.50
Lợi nhuận trước thuế	32,752,000,000	42,331,000,000	29.2
Lợi nhuận sau thuế	26,135,000,000	33,002,000,000	26.5

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm	
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	+ Thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2.860	1.807	(38.6)
	+ Thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	2.247	1.466	(34.75)
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	+ Nợ/Tổng tài sản	0.512	0.566	11
	+ Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.051	1.306	24.2
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2.727	3.422	25.7
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.365	0.42	15.2
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	+ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0.069	0.063	(8.5)
	+ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0.052	0.062	18.8
	+ Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0.025	0.027	5.8

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Cổ đông và cơ cấu	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số cổ phần	46,826,954	100
Cổ đông lớn	16,813,036	35,9
Cổ đông nhỏ	30,013,918	64,1
Cổ đông tổ chức	47,921	10,2
Cổ đông cá nhân	46,826,954	100
Cổ đông nhà nước	0	0
Cổ đông trong nước	46,527,161	99,36
Cổ đông nước ngoài	299,793	0,64
Đang lưu hành	46,826,954	100
Chuyển nhượng tự do	46,826,954	100
Bị hạn chế	0	0

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Chưa phát sinh

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Chưa phát sinh

Các chứng khoán khác: Chưa phát sinh



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 so với năm 2018: Tổng doanh thu năm 2019 của Công ty 518,8 tỷ đồng, tăng 37,5% so với năm 2018 đạt 106 % so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế 33 tỷ đồng, tăng 26,5% so với năm 2018 đạt 101% so với kế hoạch đề ra. Nhìn chung tổng chi phí Công ty tăng nhẹ so với năm 2018 nguyên nhân là do giá vốn hàng bán tăng, nguyên nhân chủ yếu là do Công ty mở rộng địa bàn kinh doanh, có thêm nhiều khách hàng nên phải nhập thêm nhiều mặt hàng, gia tăng sản xuất để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Tổng tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019 đạt trên 1.232 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	2018	2019	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	1.031.619	1.232.792	19.5
2	Tài sản ngắn hạn	662.020	719.243	8.6
3	Hàng tồn kho	142.001	135.481	(4.6)
4	Tổng nợ	528.691	698.169	32
5	Nợ ngắn hạn	231.413	398.030	72
6	Vốn chủ sở hữu	502.927	534.623	6.2
7	Doanh thu thuần	376.616	518.821	37.7
8	Lợi nhuận trước thuế	32.752	42.331	29.2
9	Lợi nhuận sau thuế	26.135	33.002	26.5

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Về mặt tổ chức: Năm 2019, TTB được Thành ủy Thành phố Thái Nguyên công nhận đảng bộ cơ sở Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Bộ. Đây là bước chuyển mình về hoạt động quản lý, tổ chức, sản xuất tại Công ty. Mang lại những hiệu quả nhất

định: hiệu quả công việc tăng, cải thiện thu nhập người lao động, tiết kiệm chi phí cho công ty, ổn định lực lượng lao động. Công tác đào tạo người lao động được triển khai triệt để, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí tại Công ty. đào tạo kỹ năng, kiến thức và trình độ tiếng anh cho nhân viên kinh doanh; nghiệp vụ chuyên môn và kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên văn

phòng; đào tạo quy trình công nghệ cho cán bộ quản lý và người lao động trực tiếp tại Công ty. Thời gian làm việc được điều chỉnh linh hoạt kết hợp với chính sách lương theo năng lực làm việc, chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp nhắc nhở, kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng tiêu cực đến quyền lợi và uy tín Công ty.

Chính sách hoạt động: Để động viên, khuyến khích người lao động trong việc thực thi chức năng, trách nhiệm, quyền hạn và kỹ năng lao động thì việc duy trì chính sách lương thưởng theo năng lực và hiệu quả công việc là giải pháp Công ty đang hướng tới.

Công tác quản lý công ty: đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, quyền tự do bình đẳng, và chăm lo sức khỏe nghề nghiệp, TTB không ngừng cải thiện môi trường làm việc, mang lại cho nhân viên cơ hội học tập và phát triển, cùng các chính sách phúc lợi và thu nhập ưu đãi. Thực thi cơ chế lương 'mềm', nhân viên có thành tích nổi trội dựa trên đánh giá năng lực, hiệu quả công việc của từng nhân viên định kỳ 6 tháng 1 lần. Kết quả đánh giá là cơ sở cho việc xét thưởng, nâng bậc thu nhập và đề bạt vào các chức danh quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai Căn cứ tình hình thực tế và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty về và dự báo cho năm 2020:

Mục đích: Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các ngành nghề kinh doanh mũi nhọn của TTB, tập trung chỉ đạo các

nội dung mang tính đột phá nhằm phát huy kết quả đạt được, khắc phục hạn chế, yếu kém tại các Phòng, ban chuyên môn nhằm tối ưu hóa kết quả. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh kết hợp với nhân rộng những mô hình mới, cách làm sáng tạo, những tập thể, cá nhân điển hình, kịp thời chấn chỉnh ngăn ngừa, khắc phục bệnh thành tích, nói không đi đôi với làm. Thực hiện nghiêm túc các ý kiến, kế hoạch đã được đại hội đồng cổ đông thông qua cũng như chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo TTB phát huy tinh thần chủ động sáng tạo linh hoạt của các Phòng, Ban, đơn vị kinh doanh, quyết tâm thực hiện xuất sắc nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.

Nhiệm vụ trọng tâm: Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, gắn liền với hiệu quả, các phong trào thi đua trong Công ty cũng như các phong trào thi đua cấp tỉnh và nhà nước. đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, quảng bá các sản phẩm của TTB tại thị trường đông Bắc Bộ cũng như thị trường Trong nước để tiến tới vươn ra thị trường quốc tế. Các đơn vị, phòng ban cũng như mỗi cá nhân trực thuộc, tùy vào tình hình thực tế của đơn vị kinh doanh, nỗ lực phát huy tối ưu nhất tinh thần chỉ đạo của Ban lãnh đạo công ty đến đơn vị mình. Phát huy vai trò nêu gương đảng viên, đoàn viên công đoàn, tuyên truyền rộng rãi trong toàn Công ty về các nội dung chuyên đề, tích cực tham gia giám sát thực hiện kế hoạch của từng cán bộ công nhân viên.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

- Công ty định hướng phát triển các khối ngành xanh và bền vững như: Nhà hàng, nghỉ dưỡng, khách sạn, chăm sóc sức khỏe... Các dự án đều đi kèm các tiện ích đồng bộ, điều này giúp mở rộng nhóm khách hàng, nhà đầu tư, qua đó tạo hoạt động ổn định và hiệu quả cho từng dự án.

- Khi lập báo cáo kỹ thuật tiền khả thi các dự án đầu tư, TTB đều thuê những đơn vị tư vấn thực hiện việc đánh giá tác động đến môi trường tại địa bàn thực hiện dự án. đồng thời, đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường, hệ sinh thái ở mức thấp nhất.

- Đối với giai đoạn thực hiện dự án, TTB đều đưa ra những cam kết và hành động cụ thể nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường.

- Biện pháp quản lý:

• Lập kế hoạch, tiến độ thi công hợp lý, công trình xây dựng nhanh, hoàn thành sớm.

• Quy định cụ thể thời gian làm việc trong ngày (từ 7giờ đến 17giờ) không vận hành các phương tiện, máy móc thiết bị vào buổi trưa và ban đêm.

• Phương tiện tham gia vận tải phải có giấy đăng kiểm, phải đạt các tiêu chuẩn lưu hành, lái xe phải có bằng lái, yêu cầu phải tuân thủ các quy định về an toàn khi tham gia giao thông.

- Biện pháp kỹ thuật:

• Giảm thiểu bụi đất trong quá trình vận

chuyển.

• Xe chở đất được che chắn cẩn thận bằng bạt.

• Không chở quá tải trọng cho phép nhằm hạn chế đất cát rơi vãi.

• Thường xuyên quét dọn đất cát rơi vãi tại khu vực cổng ra vào (dự án và QL1) và tưới nước trên tuyến đường vận chuyển gần khu vực thi công.

• Che chắn khu vực đang thi công xây dựng chiều cao tối thiểu 2m nhằm hạn chế cát, bụi bay

• Xịt rửa xe trước khi ra khỏi công trường.

- Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải:

• Sử dụng tối đa nguồn lao động tại địa phương nhằm tránh lưu trú qua đêm do đó giảm lượng nước thải và hạn chế tình trạng gây ô nhiễm môi trường.

• Xây dựng các công trình vệ sinh tạm tại công trường xây dựng.

• Các nguyên liệu có hại như xăng, dầu, nhựa đường... được lưu giữ trong kho chứa nhằm tránh việc làm đổ các chất độc hại trên.

- Quản lý nguồn chất thải rắn:

• Chất thải rắn xây dựng

• Chất thải rắn xây dựng được thu gom hàng ngày, vệ sinh công trường gọn gàng sạch sẽ. Các loại chất thải rắn như sắt thép vụn, bao xi măng... được tận dụng hoặc bán phế liệu; đất đá tận dụng để san lấp mặt bằng tại chỗ không thải ra môi trường.

- Chất thải rắn sinh hoạt:

• Bố trí các thùng rác và thu gom về đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi trong khu vực.

• Hợp đồng với công ty môi trường đến thu

gom và đưa đi xử lý.

- Giảm thiểu ô nhiễm do tiếng ồn, khí thải:
- Không vận chuyển, vận hành máy móc thiết bị gây ra tiếng ồn lớn vào giữa trưa và ban đêm gây ồn cho khu vực xung quanh.
- Không sử dụng máy móc quá cũ để giảm mức gây ồn và các khí độc hại trong khói thải.
- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như khẩu trang chống bụi, nút tai chống ồn.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Thực hiện chỉ đạo của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam trong năm 2019, Ban chấp hành Công đoàn TTB đã triển khai nhiều chương trình phát triển đoàn viên và thành lập Công đoàn cơ sở, chương trình phổ biến, tư vấn pháp luật cho người lao động, chương trình thúc đẩy các hoạt động đối thoại, tổ chức hội nghị người lao động, hoạt động của Công đoàn đã có những đổi mới, chuyển biến từ chức năng tuyên truyền, giáo dục, tổ chức các phong trào trong công nhân lao động sang thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người lao động. Trong văn hóa doanh nghiệp và quản trị

nguồn nhân lực, Công ty luôn chú trọng phát huy sức mạnh tập thể, xây dựng văn hóa doanh nghiệp năng động, chuyên nghiệp đồng thời phát triển và kiện toàn bộ máy nhân sự chất lượng cao cho Công ty. Công ty là nơi tập trung những con người năng động, tràn đầy nhiệt huyết, nỗ lực học hỏi, phấn đấu không ngừng để hoàn thiện bản thân, lấy văn hóa Công ty là kim chỉ nam để điều chỉnh mọi hành vi, giao tiếp hàng ngày. Công ty thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu, tọa đàm về văn hóa doanh nghiệp giữa các bộ phận và với các Công ty khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI Trong năm 2019, Công ty đã có nhiều chương trình thiện nguyện và đóng góp từ thiện cho các địa phương mà Công ty đầu tư, tiêu biểu như: Tặng quà tết cho hộ nghèo, xuân ấm tình thương, tặng quà động viên các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn, thường xuyên tổ chức thăm hỏi các hộ dân sinh sống tại các tòa chung cư vào các ngày lễ như 27/2, 27/7 hay tổ chức sân chơi hoạt động chung cho cư dân nhí tại Chung cư vào các ngày 1/6 hay Rằm trung thu.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TTB NĂM 2019

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu. Sự biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế, giá dầu diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực trong năm 2018, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng cũng phải đối mặt không ít khó khăn, thách thức với thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng; ngành chăn nuôi gặp khó khăn với dịch tả lợn châu Phi diễn ra tại tất cả 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tăng trưởng chậm lại của một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; giải ngân vốn đầu tư công không đạt kế hoạch., tăng trưởng kinh tế tang 7,02%, mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011-2017. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45%.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp năm 2019 duy trì mức tăng trưởng cao với 8,86%, đóng góp 2,91 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt nền kinh tế tăng trưởng với mức tăng 11,29%, đóng góp 2,33 điểm phần trăm. Ngành công nghiệp khai khoáng tăng nhẹ ở mức 1,29% sau 3 năm sụt giảm liên tiếp, đóng góp 0,09 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành xây dựng duy trì đà tăng trưởng tích cực với tốc độ 9,1%, đóng góp 0,66 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

Trong vốn đầu tư của khu vực Nhà nước, vốn từ ngân sách Nhà nước thực hiện năm 2019 ước tính đạt 342,9 nghìn tỷ đồng, bằng 89,5% kế hoạch năm và tăng 5,8% so với năm trước (năm 2018 bằng 92,1% và tăng 12,2%), gồm có: Vốn trung ương quản lý đạt 51,9 nghìn tỷ đồng, bằng 85,3% kế hoạch năm và giảm 12% so với năm trước; vốn địa phương quản lý đạt 291 nghìn tỷ đồng, bằng 90,3% kế hoạch năm và tăng 9,8% so với năm trước, trong đó vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 196,8 nghìn tỷ đồng, bằng 86,6% kế hoạch năm và tăng 7%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 79,3 nghìn tỷ đồng, bằng 97,4% và tăng 15,2%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 14,9 nghìn tỷ đồng, bằng 105,1% và tăng 20,4%.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam

tính đến 20/12/2019 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38 tỷ USD, tăng 7,2% so với năm 2018.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2019 ước tính đạt 516,96 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 263,45 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm trước. Năm 2019 ghi nhận sự phát triển mạnh mẽ của khu vực kinh tế trong nước trong lĩnh vực xuất khẩu với tốc độ tăng trưởng đạt tới 17,7%, cao hơn rất nhiều tốc độ tăng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (4,2%). Cán cân thương mại hàng hóa năm 2019 ước tính xuất siêu 9,9 tỷ USD, mức cao nhất trong 4 năm liên tiếp xuất siêu. CPI bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với bình quân năm 2018, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra, đây cũng là mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 3 năm qua; CPI tháng 12/2019 tăng 5,23% so với tháng 12/2018.

Xác định được những thuận lợi và khó khăn trên, tập thể lãnh đạo Công ty ngay từ đầu năm đã bám sát quan điểm phát triển và các mục tiêu kế hoạch đã được đại hội đồng cổ đông giao phó, HĐQT Công ty đã tập trung chỉ đạo Ban điều hành phát huy trọn vẹn các thế mạnh, đồng bộ chỉ đạo thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế do đại hội đồng cổ đông giao. Tập thể CBNV TTB đã không ngừng nỗ lực và đạt được kết quả kinh doanh rất tích cực. Kết quả đạt được: Tổng doanh thu năm 2019 của Công ty 518,8 tỷ đồng, tăng 37,5% so với năm 2018 đạt 106 % so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế 33 tỷ đồng, tăng 26,5% so với năm 2018 đạt 101% so với kế hoạch đề ra. Tổng tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019 đạt trên 1.232 tỷ đồng. Trong bối cảnh nền kinh tế vẫn đang trong giai đoạn phục hồi

chậm và các doanh nghiệp phải đương đầu với nhiều khó khăn, việc đạt được các chỉ tiêu trên thực sự rất ấn tượng, phản ánh nỗ lực chung của toàn thể Ban Lãnh đạo và cán bộ, nhân viên trong toàn Công ty.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TTB

Về hoạch định chiến lược, hoạt động đầu tư ngay từ đầu năm 2019, HĐQT đã thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của năm và được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với thực tế, định hướng tốt cho Ban Tổng Giám đốc trong triển khai thực hiện. Kết quả kinh doanh năm 2019 phản ánh sự nỗ lực lớn của toàn thể Công ty trước bối cảnh tình hình kinh tế biến động rất lớn trong năm qua. HĐQT đã tiếp tục chủ trương, thực hiện cơ cấu hoạt động mở rộng đầu tư, đánh giá lại hiệu quả các hợp đồng đang thực hiện, đang trong giai đoạn đầu tư và đầu tư dự án mới như: Dự án chung cư TBCO 3 giai đoạn 3, đặc biệt là Dự án Green City Bắc Giang. Ngoài những dự án này, HĐQT vẫn đang tích cực tìm kiếm các dự án đầu tư tiềm năng tại Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Vĩnh Phúc... Về công tác chỉ đạo, giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc. HĐQT đã thực hiện hiệu quả công tác chỉ đạo, giám sát thông qua các hoạt động: Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban Tổng Giám đốc về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT; Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Tổng Giám đốc. Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban Tổng Giám đốc một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh; Quan

tâm sát sao đặc biệt đối với các dự án Bất động sản như: Chung cư TBCO 3, dự án TTB River Side và Green City Bắc Giang. đối với các lĩnh vực khác như: Condotel, Chuỗi nhà hàng Seoul Sky, sản xuất quả cầu lông, kinh doanh thiết bị xây dựng, kinh doanh thép. HĐQT giám sát thường xuyên theo dõi kế hoạch sản xuất - kế hoạch kinh doanh. Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp về xây dựng và giao kế hoạch sản xuất kinh doanh cho các đơn vị thành viên, báo cáo và kiểm điểm các công tác trọng điểm, công tác tổ chức lao động và chính sách nhân sự; Thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành có điều kiện thực thi các quyết định cũng như ý kiến định hướng của HĐQT, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh thường ngày của TTB tuân thủ tuyệt đối các quyết định của HĐQT. Ban Tổng Giám đốc dưới sự quản lý, chỉ đạo của HĐQT đã điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ do HĐQT đề ra phù hợp với pháp luật, điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong hoạt động điều hành, Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên báo cáo xin ý kiến của HĐQT, đồng thời tích cực, chủ động xử lý kịp thời các vấn đề nảy sinh hàng ngày, đảm bảo việc điều hành linh hoạt và hiệu quả. Dưới sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã trực tiếp xây dựng và ban hành hoặc trình HĐQT ban hành các văn bản, quy trình, quy chế quản lý nội bộ góp phần kiện toàn mô hình tổ chức, nhân sự của Tập đoàn theo hướng gọn nhẹ, chất lượng và hiệu quả. Năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã làm tốt công tác tổ chức thực hiện các mục tiêu đã đề ra, có nhiều giải pháp quyết liệt, năng động trong kinh doanh cũng như trong quản lý điều hành Tập đoàn. đây là sự cố gắng rất lớn của Ban Tổng Giám đốc cũng như toàn thể cán bộ nhân viên của

Tập đoàn, tạo điều kiện để Tập đoàn tiếp tục phát triển ổn định và bền vững.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kinh tế Việt Nam 2020 đứng trước nhiều khó khăn do dịch Covid -19 diễn biến phức tạp, để tiếp tục tăng trưởng với mức kỳ vọng của năm 2019. Chi phí đầu vào của doanh nghiệp ổn định. Mặt bằng lãi suất thấp tiếp tục hỗ trợ tài chính cho đầu tư và tiêu dùng. Bên cạnh nhiều chính sách hỗ trợ của chính phủ như: cắt giảm lãi suất, miễn giảm thuế, phí, bảo hiểm xã hội, giảm thủ tục hành chính, các quy định có lợi cho thị trường bất động sản (BDS) liên tục được ban hành trong thời gian qua. Hội đồng quản trị Công ty xác định các định hướng hoạt động chủ yếu bao gồm:

- Tiếp tục triển khai Chiến lược phát triển TTB giai đoạn 2016-2020: với những điều chỉnh đã được nghiên cứu bổ sung trong năm 201đ, quyết tâm đưa TTB phát triển trở thành một trong những Công ty hàng đầu trong phân khúc bất động sản tầm trung.

- Giám sát, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD: Chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch và các nội dung đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Thực hiện kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong toàn công ty: giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư. Tăng cường kiểm tra, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn tại các dự án đầu tư của công ty.

- Tiếp tục triển khai chiến lược tăng năng lực tài chính và mở rộng quy mô hoạt động: đảm bảo đi đúng định hướng phát triển của công ty.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả phương án tái cấu trúc doanh nghiệp: Tập trung nghiên cứu xây dựng hoàn thiện các cơ chế, đổi mới quản lý. Tập chung nguồn lực đầu tư vào các lĩnh vực quan trọng của Công ty, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỉ lệ sở hữu (%)
1	Phùng Văn Bộ	Chủ tịch HĐQT	7,897,567	16,865
2	Phùng Văn Thái	Thành viên HĐQT	4,111,110	8,779
3	Thân Thanh Dũng	Thành viên HĐQT	4,804,359	10,26
4	Dương Diễm Hằng	Thành viên HĐQT độc lập	0	0
5	Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT độc lập	100,000	0,214

Thông qua đại hội đồng cổ đông thường niên 2019:

- Miễn nhiệm 01 Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Hà Nam Anh – Thành viên HĐQT độc lập.

- Bầu bổ sung 01 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Ông Trần Thanh Bình – Thành viên HĐQT độc lập.

- TTB có 02 Thành viên HĐQT độc lập:

Ông Trần Thanh Bình – Thành viên HĐQT độc lập

Bà Dương Diễm Hằng – Thành viên HĐQT độc lập

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:



Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2019:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ Không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phùng Văn Bộ	Chủ tịch HĐQT	10/09/2014	12	100%	
2	Ông Phùng Văn Thái	Thành viên HĐQT	10/09/2014	12	100%	
3	Ông Thân Thanh Dũng	Thành viên HĐQT	10/09/2014	12	100%	
4	Ông Hà Nam Anh	Thành viên HĐQT	21/04/2018-23/04/2019	1	8.3%	Miễn nhiệm trước khi diễn ra các cuộc họp HĐQT
5	Bà Dương Diễm Hằng	Thành viên HĐQT	21/04/2018	12	100%	
6	Ông Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT	23/04/2019	11	91.7%	Bầu bổ sung sau khi diễn ra cuộc họp

Nội dung và kết quả các cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm 2019:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	74/2019/QĐ-HĐQT	13/03/2019	Thành lập Ban tổ chức đHđCđ thường niên
2	132/2019/NQ-HĐQT	25/04/2019	Bầu chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm Tổng giám đốc công ty
2	218/2019/NQ-HĐQT	26/06/2019	Thoái vốn tại công ty liên kết
3	221/2019/NQ-HĐQT	27/06/2019	Thông qua phê duyệt hạn mức tín dụng tại BIDV.
4	268/2019/NQ-HĐQT	13/08/2019	Phê duyệt phương án tín dụng tại SHB.
5	273/2019/NQ-HĐQT	14/08/2019	Gia hạn công bố BCTC giữa niên độ.
6	270/2018/NQ-HĐQT	14/08/2019	Cấp hạn mức bảo lãnh phát hành trái phiếu doanh nghiệp
7	279/2019/NQ-HĐQT	20/08/2019	Ban hành điều lệ sửa đổi.
8	301/2018/BB-HĐQT	28/08/2019	Liên quan đến kết quả kiểm tra của UBCK nhà nước.
9	330/2019/NQ-HĐQT	22/09/2019	Nhận chuyển nhượng cổ phần công ty liên kết
10	371/2019/NQ-HĐQT	22/10/2019	Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp
11	408/2019/NQ-HĐQT	20/11/2019	Mua cổ phiếu quỹ

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Dương Thị Vân	Trưởng ban	0,21	4	100%	
2	Nguyễn Giang Nam	Thành viên	0,027	2	50%	Từ nhiệm sau 2 cuộc họp
3	Trần Thị Thịnh	Thành viên	0	4	100%	
4	Lưu Bình Dương	Thành viên	0	2	50%	Bỏ nhiệm sau 2 cuộc họp

Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Kiểm tra việc bảo toàn vốn, quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; Giám sát tình hình chấp hành điều lệ, thực hiện Nghị Quyết của đại hội đồng cổ đông; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, của đại hội đồng cổ đông; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí; Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm; Giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với doanh nghiệp, các đơn vị thành viên/trực thuộc; xem xét báo cáo kiểm tra, kiểm soát của Công ty và ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Công ty; Phối hợp với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn. Thực hiện các công tác khác của Ban Kiểm soát theo kế hoạch hoạt động năm 2019.

Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với các hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Hoạt động của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành được phối hợp chặt chẽ, cởi mở và đoàn kết trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ đại hội đồng cổ đông giao.
- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát tiếp cận các hồ sơ, tài liệu cũng như công nợ của Công ty khi có yêu cầu.

- Xem các công nợ và các hợp đồng ký kết với các khách hàng của Công ty có ký phụ lục gia hạn thời hạn thanh toán; xem xét phân tích các báo cáo kết quả kinh doanh quý, năm 2019.

Một số kiến nghị và phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019

Tiếp tục cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý và nhân sự cho phù hợp hơn nữa đối với sự phát triển trong tương lai của Công ty. Có mục đích sử dụng nguồn vốn vừa huy động phù hợp để tăng cường hiệu quả hoạt động đầu tư, phát triển kinh doanh đạt và vượt mức chỉ tiêu đặt ra trong năm 2019. Năm 2019, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ trong việc thay mặt cổ đông thường xuyên kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát sẽ tiến hành kiểm tra, phân tích, đánh giá các hoạt động của Công ty thông qua các Báo cáo tài chính, đồng thời kiểm tra đánh giá các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc và có trách nhiệm báo cáo trước toàn thể đại hội đồng cổ đông. Trong hoạt động của mình, để đạt được hiệu quả tốt nhất.

Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

Số lượng lao động, mức lương, giờ đào tạo trung bình của người lao động:

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Mức lương trung bình (Triệu đồng/người)	Số giờ đào tạo trung bình (Giờ/người/năm)
1	Theo giới tính	235		24
	Nam	130	10	
	Nữ	105	8	
2	Theo hợp đồng lao động	235		24
	Toàn thời gian	225	8,8	
	Bán thời gian	10		
3	Theo trình độ	235		24
	Đại học	41	10,5	
	Cao đẳng	74	8,5	
	Phổ thông	120	7,5	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan đến cổ phiếu của công ty niêm yết

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Phùng Văn Bộ	Chủ tịch HĐQT	7.492.897	16	9.682.897	20.67	Mua cổ phiếu
2	Phùng Văn Bộ	Chủ tịch HĐQT	9.682.897	20.67	7.397.567	15.8	Công ty chứng khoán bán giải chấp
3	Phùng Văn Bộ	Chủ tịch HĐQT	7.397.567	15.8	7.897.567	16.86	Mua cổ phiếu
4	Phùng Văn Thái	Thành viên HĐQT	5.072.670	10.83	4.072.670	8.7	Bán cổ phiếu
5	Phùng Văn Thái	Thành viên HĐQT	4.072.670	8.7	4.272.670	9.12	Mua cổ phiếu
6	Phùng Văn Thái	Thành viên HĐQT	4.272.670	9.12	4.111.110	8.78	Công ty chứng khoán bán giải chấp
7	Thân Thanh Dũng	Thành viên HĐQT	4.880.729	10.42	4.804.359	10.26	Công ty chứng khoán bán giải chấp
8	Phùng Thị Nam	Phó Tổng giám đốc	1.825.466	10.83	21.276	0.045	Bán cổ phiếu
9	Phùng Thị Nam	Phó Tổng giám đốc	21.276	0.045	471.276	1.01	Mua cổ phiếu
10	Dương Thị Vân	Trưởng BKS	466.092	0.099	466.092	0.0	Bán cổ phiếu
11	Dương Thị Vân	Trưởng BKS	92	0.0	100.092	0.021	Mua cổ phiếu

Đào tạo về quản trị công ty Trong năm 2019, Công ty đã mở các khóa đào tạo nội bộ về quản trị doanh nghiệp cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban giám đốc của Công ty để nắm vững các kiến thức về quản trị doanh nghiệp nói chung.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Kiểm tra việc bảo toàn vốn, quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp;
- Giám sát tình hình chấp hành điều lệ, thực hiện Nghị Quyết của đại hội đồng cổ đông;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, của đại hội đồng cổ đông;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí;
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm;
- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với doanh nghiệp, các đơn vị thành viên/trực thuộc; xem xét báo cáo kiểm tra, kiểm soát của Công ty và ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Công ty;
- Phối hợp với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn.
- Thực hiện các công tác khác của Ban Kiểm soát theo kế hoạch hoạt động năm 2019.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các bộ quản lý khác:

- Hoạt động của Công ty đang diễn ra trên nhiều lĩnh vực cũng như các địa bàn khác nhau, nhờ việc thực hiện nghiêm túc quy chế quản trị và phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT, Ban Giám đốc và BKS đồng thời bám sát các Nghị quyết HĐQT đã được thông qua nên đã hạn chế được nhiều rủi ro và sai phạm.
- Các phòng ban chức năng tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định cũng như các cam kết với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, không để xảy ra sai phạm.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Của **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN BỘ**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, Số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 37 425 888 - Fax : (04) 37 578 666

Website: <http://kiemtoanttp.com> - <http://kiemtoanttp.vn>

Email: ttp@kiemtoanttp.com

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 43
Phụ lục 01: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	44

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 43
Phụ lục 01: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	44

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN BỘ

Địa chỉ: Tổ 2, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Dương Thị Vân	Trưởng ban
Ông: Lưu Bình Dương	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 23/04/2019)
Ông: Nguyễn Giang Nam	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 23/04/2019)
Bà: Trần Thị Thịnh	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN BỘ

Địa chỉ: Tổ 2, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 71/2017/NĐ- CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tiên Bộ phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 03 năm 2020

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch

Phùng Văn Bộ



Phùng Văn Thái



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : ~~187~~/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ*

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán báo cáo tài cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần tập đoàn Tiến Bộ được lập ngày 30 tháng 03 năm 2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày từ trang 07 đến trang 44 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, Số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội
Add: Floor 12 West Tower, Hancorp Plaza Building 72 Tran Dang Ninh, Cau Giay, Ha Noi
Tel: (04) 37425 888 - Fax: (04) 37578 666
Website: <http://kiemtoanttp.com> - <http://kiemtoanttp.vn> *Email: ttp@kiemtoanttp.com

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Bội** tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Trần Thị Hạnh

Lê Xuân Bách

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
Số: 0726-2018-133-1*

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
số 1305-2018-133-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		719.243.793.054	662.020.298.080
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	72.623.987.705	191.261.444.396
1. Tiền	111		13.014.357.057	24.261.444.396
2. Các khoản tương đương tiền	112		59.609.630.648	167.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.1	136.243.208.010	108.746.487.316
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		136.243.208.010	108.746.487.316
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		374.092.564.688	213.810.516.160
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	64.396.354.376	22.374.354.118
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	214.994.396.382	113.014.325.189
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	-	15.000.000.000
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	94.986.488.930	63.488.336.853
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.07	(284.675.000)	(66.500.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	135.481.908.087	142.001.628.756
1. Hàng tồn kho	141		135.481.908.087	142.001.628.756
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		802.124.564	6.200.221.452
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	736.117.090	6.200.221.452
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		66.007.474	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		513.548.857.371	369.599.248.520
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		35.911.614.339	38.236.328.639
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	35.911.614.339	38.236.328.639
- Nguyên giá	222		43.500.052.700	43.176.249.063
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(7.588.438.361)	(4.939.920.424)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	309.417.751.905	200.702.957.616
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		46.500.859.443	124.317.992.221
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		262.916.892.462	76.384.965.395
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.2	167.470.000.000	129.310.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2.2a	157.160.000.000	119.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2.2b	10.310.000.000	10.310.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		749.491.127	1.349.962.265
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	749.491.127	1.349.962.265
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.232.792.650.425	1.031.619.546.600

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		698.169.007.220	528.691.810.197
I. Nợ ngắn hạn	310		398.030.607.220	231.413.010.197
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	34.120.937.338	42.622.594.703
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	180.903.889.953	7.153.146.272
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.401.881.334	2.913.124.431
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	4.477.881.783	220.458.523
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	630.723.392	635.865.792
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	173.941.300.000	176.982.093.556
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.553.993.420	885.726.920
II. Nợ dài hạn	330		300.138.400.000	297.278.800.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	300.138.400.000	297.278.800.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		534.623.643.205	502.927.736.403
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	534.623.643.205	502.927.736.403
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		468.269.540.000	468.269.540.000
- Cổ phần phổ thông	411A		468.269.540.000	468.269.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.999.794.545	3.999.794.545
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.939.320.731	2.632.554.231
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.808.348.854	1.808.348.854
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.606.639.075	26.217.498.773
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		23.603.965.773	82.168.725
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		33.002.673.302	26.135.330.048
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.232.792.650.425	1.031.619.546.600

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hà Hương

Kế toán trưởng



Trần Thanh Hà

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Thái

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	518.821.685.639	377.075.422.971
2. Các khoản giảm trừ	02		-	459.090.909
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		518.821.685.639	376.616.332.062
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	474.819.879.493	342.664.753.890
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		44.001.806.146	33.951.578.172
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	30.722.236.520	15.571.698.767
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.030.497.706	10.956.350.576
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.030.497.706	10.645.527.995
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5b	1.267.000.812	1.102.143.050
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5c	16.248.164.108	8.877.374.485
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		45.178.380.040	28.587.408.828
11. Thu nhập khác	31	VI.6	765.683.937	4.500.000.000
12. Chi phí khác	32	VI.7	3.612.167.951	334.597.015
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(2.846.484.014)	4.165.402.985
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		42.331.896.026	32.752.811.813
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	9.329.222.724	6.617.481.765
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		33.002.673.302	26.135.330.048
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	704,78	582,50

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hà Hương

Kế toán trưởng



Trần Thanh Hà


 Tổng Giám đốc


 Phùng Văn Thái

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	42.331.896.026	32.752.811.813
2. Điều chỉnh cho các khoản		(15.825.045.877)	(3.076.089.306)
+ Khấu hao tài sản cố định	02	2.648.517.937	1.818.581.466
+ Các khoản dự phòng	03	218.175.000	31.500.000
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(30.722.236.520)	(15.571.698.767)
+ Chi phí lãi vay	06	12.030.497.706	10.645.527.995
+ Các điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	26.506.850.149	29.676.722.507
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(137.979.476.855)	(11.012.264.242)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	6.519.720.669	(32.655.699.292)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	162.741.865.370	16.983.384.241
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	13	6.064.575.500	(6.204.400.049)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(12.030.497.706)	(10.573.822.591)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.338.387.275)	(9.431.104.728)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(638.500.000)	(628.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20	43.846.149.852	(23.845.684.155)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(104.781.174.666)	(56.753.094.574)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(220.368.945.632)	(255.547.459.538)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24	270.235.007.073	176.030.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(113.160.000.000)	(90.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	500.000.000	66.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.272.700.238	13.534.444.156
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(162.302.412.987)	(146.736.109.956)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	221.727.900.000	517.769.093.556
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(221.909.093.556)	(164.332.541.556)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40	(181.193.556)	353.436.552.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(118.637.456.691)	182.854.757.889

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2019

(Tiếp theo)

Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	191.261.444.396	8.406.686.507
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	72.623.987.705	191.261.444.396

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà Hương

Kế toán trưởng

Trần Thanh Hà

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Thái

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tiến Bộ được thành lập theo quyết định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên, Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4600359768 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 25 tháng 07 năm 2018.

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty gồm:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ (xây dựng công trình đường bộ);
- Xây dựng công trình điện dân dụng khác (xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV, công trình thủy lợi);
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư kinh doanh chung cư, khu đô thị, siêu thị, văn phòng, bất động sản, nhà sinh viên, khách sạn du lịch, khu vui chơi);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (cho thuê sân bóng, sân tennis, sân cầu lông);
- Bán buôn máy móc thiết bị, phụ tùng máy khác (máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy móc thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày, máy móc thiết bị y tế);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (định giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất);
- Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao (sản xuất cầu lông, vợt, lưới).

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Ngõ 1, đường Bắc Kạn, Tổ 2, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 468.269.540.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi tám tỷ, hai trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 46.826.954 cổ phần.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

I. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các

bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

7.1. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính và bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không thực hiện trích khấu hao.

7.2. Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	07 - 10 năm

8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

16. Doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành đo Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán đối với trường hợp Công ty là chủ đầu tư kinh doanh bất động sản

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- *Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;*
- *Chi phí đi vay vốn;*
- *Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;*
- *Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...*

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

20.1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

20.2. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN BỘ

Địa chỉ: Tổ 2, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Tiền mặt	7.841.542.004	507.314.257
- Tiền gửi tại ngân hàng	5.172.815.053	23.754.130.139
+ Tiền gửi VND	5.172.815.053	23.754.130.139
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - CN Thái Nguyên</i>	1.088.664.402	384.334.855
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Thái Nguyên</i>	2.236.808	7.653.582
<i>Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Thái Nguyên</i>	56.018.022	22.593.491
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam</i>	1.951.925	1.250.531
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - MB</i>		1.558.500
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội</i>	4.000.698.244	23.333.555.325
<i>Ngân hàng khác</i>	23.245.652	3.183.855
- Các khoản tương đương tiền (*)	59.609.630.648	167.000.000.000
Cộng	72.623.987.705	191.261.444.396

(*) Chi tiết các khoản tương đương tiền:

- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân, lãi suất 6,7%, số tiền: 5.000.000.000 VNĐ. Khoản tiền gửi này đang dùng để cầm cố thế chấp khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Dân
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân, lãi suất 7,2%, số tiền: 4.777.500.000 VNĐ. Khoản tiền gửi này đang dùng để cầm cố thế chấp khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Dân
- Tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng tại Ngân Hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội, lãi suất 5%, số tiền: 42.042.130.648 VNĐ. Khoản tiền gửi này đang dùng để cầm cố thế chấp khoản vay ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân Hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội, lãi suất 5,3%, số tiền: 7.790.000.000 VNĐ.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**2.1: Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn	136.243.208.010	108.746.487.316
Cộng	136.243.208.010	108.746.487.316

Chi tiết tiền gửi có kỳ hạn	Kỳ hạn (Tháng)	Lãi suất (%)	Số cuối năm VND
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Thái Nguyên (1)	12	6,8	12.666.068.454
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Thái Nguyên (1)	12	6,7	400.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân (2)	12	7,2	27.399.480.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội	6	6,2	63.777.659.556
Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội	12	7,1	32.000.000.000
Cộng			136.243.208.010

(1) Khoản tiền gửi này đang được dùng để cầm cố thế chấp khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển- CN Thái Nguyên

(2) Khoản tiền gửi này đang được dùng để cầm cố thế chấp khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Dân.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN BỘ

Địa chỉ: Tổ 2, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

2.2: Đầu tư tài chính dài hạn**a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Phụ lục 01)**

b. Trái phiếu	Kỳ hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	Năm	VNĐ	VNĐ
	7	10.310.000.000	10.310.000.000

- Số lượng trái phiếu mua thành công tại Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: 1.031 trái phiếu tương đương 10.310.000.000 VNĐ
- Lãi suất: Lãi trung bình cộng lãi suất tiết kiệm của cá nhân kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng tại ngày xác định lãi suất cộng với 0,8%/năm
- Phương thức trả lãi: Trả lãi sau.
- Ngày phát hành trái phiếu: 19/12/2018
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ
- Trả lãi: 1 năm 1 lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty TNHH MTV đầu tư Bình Minh Phát	6.292.724.616	-	-	-
- Công ty TNHH sản xuất và thương mại Biên Cương	16.239.020.996	-	151.227.807	-
- Công ty TNHH hai thành viên Dương Phương Linh	2.994.344.121	-	31.983.366	-
- Công ty CP Đầu tư Thương Mại GOLAN	4.452.294.688	-	4.897.098.834	-
- Công ty CP Trung tâm Công Nghệ phần mềm Thái Nguyên	27.264.983.030	-	7.710.219.646	-
- Khách hàng khác	7.152.986.925	-	9.583.824.465	-
Cộng	64.396.354.376		22.374.354.118	

1. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	214.994.396.382	284.675.000	113.014.325.189	66.500.000
- Công ty TNHH MTV đầu tư Bình Minh Phát	971.000.000	-	-	-
- Công ty CP đầu tư địa ốc Đất Vượng (*)	210.109.313.572	-	107.361.385.523	-
- Công ty cổ phần đầu tư Long Hà Anh (**)	800.000.000	-	800.000.000	-
- Các đối tượng khác	3.114.082.810	284.675.000	4.852.939.666	66.500.000
Cộng	214.994.396.382	284.675.000	113.014.325.189	66.500.000

(*) Đây là khoản ứng trước cho nhà thầu chính theo các hợp đồng kinh tế của dự án tòa nhà CT1 và CT1A chung cư Green City Bắc Giang số tiền: 149.447.928.049 đồng, dự án tòa nhà A4 chung cư TBGO3 số tiền: 27.783.583.268 đồng và dự án tòa nhà A7 chung cư TBCO3 số tiền: 32.877.802.255 đồng

(**) Đây là khoản hợp tác đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001/HĐHTĐT/TB-LHA ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa Công ty CP Tập đoàn Tiến Bộ và Công ty CP Đầu tư Long Hà Anh, thời hạn hợp tác đầu tư là 5 năm.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN BỘ

Địa chỉ: Tổ 2, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số cuối năm		Số đầu năm		Mối quan hệ
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Trần Văn Việt		-	6.000.000.000	-	Cá nhân ngoài
Vũ Tiến Dũng		-	5.000.000.000	-	Cá nhân ngoài
Bùi Thị Nhiệm		-	4.000.000.000	-	Cá nhân ngoài
Cộng		-	15.000.000.000	-	

- Đây là khoản cho các cá nhân ngoài vay có tài sản đảm bảo, miễn lãi vay nếu bên cho vay yêu cầu hoàn trả khoản vay sớm, thời hạn cho vay là 2 tháng, lãi suất cho các cá nhân ngoài vay là 1,125%/tháng, mục đích vay: mua sắm tài sản.

6. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	94.986.488.930	-	63.488.336.853	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.837.858.793	-	1.441.410.378	-
- Phải thu bảo hiểm	-	-	25.790	-
- Tạm ứng	-	-	6.100.000.000	-
- Phải thu khác	92.148.630.137	-	55.943.150.685	-
+ Đàm Thị Kiều Loan (*)	20.300.000.000	-	-	-
+ Dương Văn Hiến (*)	20.300.000.000	-	-	-
+ Ngô Quỳnh Trang (*)	14.300.000.000	-	-	-
+ Nguyễn Thị Kiều Trang (*)	14.300.000.000	-	-	-
+ Vương Thị Kim Dung (*)	20.300.000.000	-	-	-
+ Công ty CP đầu tư địa ốc Đất Vương (**)	1.705.479.452	-	50.000.000.000	-
+ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tiến Dũng (***)	943.150.685	-	5.943.150.685	-
+ Các đối tượng khác	-	-	3.750.000	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	94.986.488.930	-	63.488.336.853	-

(*) Đây là khoản phải thu còn lại liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Bengal Việt Nam của đơn vị cho các cá nhân. Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, đơn vị đã thu được toàn bộ các khoản phải thu này.

(**) Lãi phải thu Hợp đồng hợp tác đầu tư số 2109/2018/HĐ/HTĐT/DV- TTB ngày 21 tháng 09 năm 2018 với công ty cổ phần đầu tư địa ốc Đất Vương

(***) Lãi phải thu từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tiến Dũng theo biên bản làm việc giữa 2 bên ngày 31/12/2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN BỘ

Địa chỉ: Tổ 2, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

Đối tượng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Nợ ngắn hạn	442.350.000	157.675.000	95.000.000	28.500.000
Công ty TNHH MTV dịch vụ BALO Tour Quốc tế	147.350.000	73.675.000		
Cơ sở kinh doanh SVC Bùi Văn Tuấn	80.000.000	40.000.000		
Công ty TNHH định giá CIMEICO	70.000.000	-	70.000.000	21.000.000
Công ty Cp tư vấn và xây dựng Thái Nguyên	50.000.000	15.000.000		
Công ty TNHH tư vấn thiết kế Sài Gòn DC	40.000.000	20.000.000		
Công ty Cp tư vấn và xây dựng Thủ Đô	30.000.000	9.000.000		
Chi cục bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên	25.000.000	-	25.000.000	7.500.000
Cộng	442.350.000	157.675.000	95.000.000	28.500.000

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	9.712.552.780	-	11.501.684.832	-
- Công cụ dụng cụ	1.408.214.076	-	1.950.740.211	-
- Chi phí SX KD dở dang	59.949.340	-	40.246.490	-
- Thành phẩm	5.461.857.161	-	6.395.933.716	-
- Hàng hóa	118.839.334.730	-	122.113.023.507	-
Cộng	135.481.908.087	-	142.001.628.756	-

* Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND

* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND

9. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**a. Chi phí sản xuất kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

dở dang dài hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Chung cư Tiến Bộ	42.631.458.534	42.631.458.534	120.855.301.312	120.855.301.312
- Nhà ở xã hội Phố Yên	3.869.400.909	3.869.400.909	3.462.690.909	3.462.690.909
Cộng	46.500.859.443	46.500.859.443	124.317.992.221	124.317.992.221

b. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Dự án Đại Từ- Thái Nguyên	6.200.000.000	6.200.000.000
- Đường, bờ rào		3.301.702.113
- Cửa hàng bán thành phẩm, nhà thi đấu	758.623.582	702.100.735
- Dự án Green City Bắc Giang	255.958.268.880	66.181.162.547
Cộng	262.916.892.462	76.384.965.395

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN BỘ

Địa chỉ: Tổ 2, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	736.117.090	6.200.221.452
- Công cụ dụng cụ phân bổ ngắn hạn	537.500	413.636
- CP chào bán, phát hành và bảo lãnh Trái Phiếu	650.524.194	6.110.477.419
- Chi phí khác	85.055.396	89.330.397
b. Dài hạn	749.491.127	1.349.962.265
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ dài hạn	749.491.127	1.349.962.265
Cộng	1.485.608.217	7.550.183.717

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	36.713.809.875	1.669.724.000	4.792.715.188		43.176.249.063
Số tăng trong năm	-	214.545.455	109.258.182	-	323.803.637
- Mua trong năm	-	214.545.455	109.258.182	-	323.803.637
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	36.713.809.875	1.884.269.455	4.901.973.370		43.500.052.700
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.342.468.718	846.901.462	1.750.550.244		4.939.920.424
Số tăng trong năm	1.820.624.553	286.197.780	541.695.604	-	2.648.517.937
- Khấu hao trong năm	1.820.624.553	286.197.780	541.695.604	-	2.648.517.937
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.163.093.271	1.133.099.242	2.292.245.848		7.588.438.361
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	34.371.341.157	822.822.538	3.042.164.944	-	38.236.328.639
Tại ngày cuối năm	32.550.716.604	751.170.213	2.609.727.522	-	35.911.614.339

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 của TSCĐ hữu hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo cho khoản vay: 30.928.407.989 VND

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019: 266.700.188 VND

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	34.120.937.338	34.120.937.338	42.622.594.703	42.622.594.703
Công ty CP Thương mại Hà Chung	10.930.244.093	10.930.244.093	2.970.000.366	2.970.000.366
Công ty CP Vissai Ninh Bình	2.454.662.500	2.454.662.500	77.025.000	77.025.000
Công ty CP TM và PT nền móng Hồ Bắc	2.236.423.277	2.236.423.277	2.236.423.277	2.236.423.277
Công ty Cp TM tổng hợp Thái Nguyên	1.888.510.631	1.888.510.631	233.367.543	233.367.543
Công ty Cp Tư vấn và Xây dựng Ba Sao	1.266.389.557	1.266.389.557	1.266.389.557	1.266.389.557
Các đối tượng khác	15.344.707.280	15.344.707.280	35.839.388.960	35.839.388.960
Cộng	34.120.937.338	34.120.937.338	42.622.594.703	42.622.594.703

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN BỘ

Địa chỉ: Tổ 2, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Trong đó phải trả của các bên liên quan:

Tên công ty	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP sản xuất và TM Khang Linh	Giám đốc Công ty CPSX và TM Khang Linh đến ngày 02/05/2019 là chồng trưởng ban kiểm soát Công ty	79.625.371	442.625.371
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thái Nguyên	Công ty liên kết	1.888.510.631	233.367.543
Cộng		1.968.136.002	675.992.914

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	180.903.889.953	180.903.889.953	1.719.363.636	1.719.363.636
Trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp thành phố Bắc Giang	148.500.000.000	148.500.000.000	-	-
Hà Thanh Xuân	1.719.363.636	1.719.363.636	1.719.363.636	1.719.363.636
Công ty TNHH SX và TM Biên Cương	1.714.909.090	1.714.909.090	-	-
Các đối tượng khác	28.969.617.227	28.969.617.227	5.433.782.636	5.433.782.636
Cộng	180.903.889.953	180.903.889.953	7.153.146.272	7.153.146.272

Trong đó người mua trả tiền trước là bên liên quan:

Tên công ty	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Phùng Văn Thái	Tổng Giám Đốc	1.872.727.273	573.636.364
Cộng		1.872.727.273	573.636.364

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Điều chỉnh trong năm	Số dư cuối năm
	(a)	(b)	(c)	(d)	(e)=(a)+(b)-(c)+(d)
Thuế GTGT phải nộp	2.096.331.466	-	2.096.331.466	-	-
Thuế TNDN	411.045.885	9.329.222.724	7.338.387.275	-	2.401.881.334
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	405.747.080	191.929.000	597.676.080	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	12.440.000	12.440.000	-	-
Cộng	2.913.124.431	9.533.591.724	10.044.834.821		2.401.881.334

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN BỘ

Địa chỉ: Tổ 2, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	4.477.881.783	220.458.523
- Chi phí lãi vay phải trả	4.477.881.783	220.458.523
Cộng	4.477.881.783	220.458.523

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	630.723.392	635.865.792
- Kinh phí công đoàn	130.723.392	135.865.792
- Phải trả, phải nộp khác	500.000.000	500.000.000
+ Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Ba Sao	500.000.000	500.000.000
Cộng	630.723.392	635.865.792

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN BỘ

Địa chỉ: Tô 2, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Đơn vị tính: VND					
	Cuối năm			Trong năm		
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
17. Vay và nợ thuế tài chính						
a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	173.941.300.000	173.941.300.000	218.868.300.000	221.909.093.556	176.982.093.556	176.982.093.556
- Vay ngắn hạn	173.800.900.000	173.800.900.000	218.727.900.000	221.751.938.000	138.151.938.000	138.151.938.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN (1)	95.545.900.000	95.545.900.000	95.545.900.000	99.896.938.000	99.896.938.000	99.896.938.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Thái Nguyên (2)	2.160.000.000	2.160.000.000	4.320.000.000	4.320.000.000	2.160.000.000	2.160.000.000
Ngân hàng Quốc Dân (3)	36.095.000.000	36.095.000.000	78.862.000.000	78.862.000.000	36.095.000.000	36.095.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội (4)	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	38.673.000.000	38.673.000.000	38.673.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	140.400.000	140.400.000	140.400.000	157.155.556	157.155.556	157.155.556
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN thời hạn 72 tháng	-	-	-	16.755.556	16.755.556	16.755.556
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Thái Nguyên (5)	140.400.000	140.400.000	140.400.000	140.400.000	140.400.000	140.400.000
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	300.138.400.000	300.138.400.000	3.000.000.000	140.400.000	297.278.800.000	297.278.800.000
- Vay dài hạn	138.400.000	138.400.000	-	140.400.000	278.800.000	278.800.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Thái Nguyên (5)	138.400.000	138.400.000	-	140.400.000	278.800.000	278.800.000
c. Trái phiếu phát hành (6)	300.000.000.000	300.000.000.000	3.000.000.000		297.000.000.000	297.000.000.000
Cộng	474.079.700.000	474.079.700.000	221.868.300.000	222.049.493.556	474.260.893.556	474.260.893.556

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn

(1) Vay ngắn hạn Ngân Hàng TMCP ĐT&PT VN- CN Thái Nguyên

** Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/2301274/HĐTD ngày 01/10/2019*

- Hạn mức cấp tín dụng: 100.000.000.000 đồng bao gồm toàn bộ dư nợ ngắn hạn chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo 01/2018/2301274/HĐTD ngày 04/09/2018 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2019/2301274/SĐBS ngày 28/06/2019.

- Thời hạn các món vay: Theo từng hợp đồng cụ thể

- Lãi suất: theo từng hợp đồng cụ thể

- Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động, Bảo lãnh, L/C

- Biện pháp đảm bảo: Tài sản nhà xưởng Cầu lông, Xe tải 3,5 tấn- 3572, Xe ô tô 7 chỗ Mitsubishi Sport- 14733, các giấy tờ có giá: Trái phiếu, sổ tiết kiệm...tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Số dư tại 31/12/2019: 95.545.900.000 đồng

(2) Vay ngắn hạn Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Thái Nguyên

** Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 100/19/HĐTD/TN ngày 17/04/2019.*

- Hạn mức tín dụng: 5.000.000.000 VND

- Thời hạn vay: 12 tháng

- Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp lý, hợp pháp, hợp lệ, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Lãi suất : Theo từng giấy nhận nợ

- Biện pháp đảm bảo:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của ông Nguyễn Thanh Hưng và bà Phùng Thị Hương- Cổ đông của công ty

Số dư tại 31/12/2019: 2.160.000.000 VND

(3) Vay ngắn hạn Ngân Hàng Quốc Dân Việt Nam- CN Thái Nguyên

** Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 234/19/HĐHM-9240 ngày 04/12/2019.*

- Hạn mức cấp tín dụng 40.000.000.000 đồng

- Thời hạn vay: 12 tháng

- Lãi suất : Theo từng lần nhận nợ cụ thể

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Biện pháp đảm bảo: Các sổ tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại NH NCB

Số dư tại 31/12/2019: 36.095.000.000 VND

(4) Vay ngắn hạn Ngân Hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội- CN Thái Nguyên

** Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng đảm bảo số 749/2019/HĐTD-BĐ-DN/SHB.112700 ngày 03/12/2019*

- Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 VND

- Mục đích: Thanh toán tiền tạm ứng và khối lượng hạng mục cọc khoan nhồi và phần móng

- Thời hạn duy trì hạn mức: 1 tháng

- Lãi suất vay: 8%/ năm

- Biện pháp đảm bảo: Các sổ tiết kiệm tại Ngân hàng SHB từ số 0046/26122018/HĐTG/SHB.11270 đến số 0053/26122018/HĐTG/SHB.11270.

Số dư tại 31/12/2019: 40.000.000.000 VND

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

Chi tiết hợp đồng vay dài hạn

(5) Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 240/16/HĐTD/TN ngày 14/10/2016 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Thái Nguyên

Số tiền cho vay: 700.000.000 VND

Thời hạn cho vay: 60 tháng

Lãi suất cho vay: Theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ và tại thời điểm nhận nợ là 8,5%

Mục đích: Thanh toán chi phí liên quan đến việc đầu tư mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Foton Thaco Auman C160/C170-CS-1 có gắn cầu Unic Urv 343 mới 100%

Phương thức bảo đảm tiền vay: Tài sản được hình thành từ vốn vay (Xe ô tô nhãn hiệu Foton Thaco Auman

Số dư tại 31/12/2019 là: 278.800.000 VND.

(Trong đó nợ đến hạn trả tại 31/12/2019 là: 140.400.000 VND.).

(6) Trái Phiếu phát hành

Số cuối năm

Số đầu năm

VND

VND

300.000.000.000

297.000.000.000

- Ngày phát hành: Tháng 12/2018.

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ dự án Green City Bắc Giang

- Kỳ hạn: 3 năm

- Lãi suất: 10,5% cho kỳ hạn trả lãi đầu tiên, kỳ trả lãi tiếp theo lãi suất tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng được công bố bởi 4 ngân hàng vào ngày xác định lãi suất cộng thêm 3,5%

- Số lượng: 300.000.000 trái phiếu, mệnh giá 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN BỘ**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Tô 2, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	
Số dư đầu năm trước	425.699.850.000	3.999.794.545	757.872.548	1.808.348.854	46.401.222.092	478.667.088.039
- Tăng vốn năm trước						-
- Lãi trong năm trước					26.135.330.048	26.135.330.048
- Phân phối lợi nhuận	42.569.690.000		1.874.681.683		(46.319.053.367)	(1.874.681.684)
- Giảm trong năm						-
- Cổ tức phải trả						-
- Giám khác						-
Số dư đầu năm nay	468.269.540.000	3.999.794.545	2.632.554.231	1.808.348.854	26.217.498.773	502.927.736.403
- Tăng vốn trong năm						-
- Lãi trong năm					33.002.673.302	33.002.673.302
- Trích lập các quỹ					(1.306.766.500)	(1.306.766.500)
- Phân phối lợi nhuận			1.306.766.500		(1.306.766.500)	-
- Giảm trong năm						-
- Cổ tức phải trả						-
- Giám khác						-
Số cuối năm	468.269.540.000	3.999.794.545	3.939.320.731	1.808.348.854	56.606.639.075	534.623.643.205

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

35



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN BỘ

Địa chỉ: Tô 2, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Mối quan hệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
		VND	%	VND	%
Vốn góp của cá nhân		468.269.540.000	100%	468.269.540.000	100%
Ông Phùng Văn Bộ	Chủ tịch HĐQT	78.975.670.000	16,87%	74.924.870.000	16,00%
Ông Phùng Văn Thái	Tổng giám đốc	41.111.100.000	8,78%	50.726.700.000	10,83%
Ông Thân Thanh Dũng	Ủy viên HĐQT	48.043.590.000	10,26%	48.807.290.000	10,42%
Các Cổ đông khác		300.139.180.000	64,10%	293.810.680.000	62,74%
Cộng		468.269.540.000	100%	468.269.540.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	468.269.540.000	468.269.540.000
+ Vốn góp đầu năm	468.269.540.000	425.699.850.000
+ Tăng do Phân phối lợi nhuận		42.569.690.000
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	468.269.540.000	468.269.540.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	46.826.954	46.826.954
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	46.826.954	46.826.954
+ Cổ phiếu phổ thông	46.826.954	46.826.954
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.826.954	46.826.954
+ Cổ phiếu phổ thông	46.826.954	46.826.954
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. DOANH THU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu	518.821.685.639	377.075.422.971
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ	399.775.562.907	286.512.800.702
- Doanh thu bất động sản	119.046.122.732	90.562.622.269
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	459.090.909
- Hàng bán bị trả lại	-	459.090.909
Doanh thu thuần	518.821.685.639	376.616.332.062

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ	386.502.092.129	270.396.016.914
- Giá vốn về kinh doanh bất động sản	88.317.787.364	72.268.736.976
Cộng	474.819.879.493	342.664.753.890

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.016.757.068	5.964.917.946
- Lãi chuyển nhượng cổ phần	15.000.000.000	6.000.000.000
- Lãi hợp tác kinh doanh	1.705.479.452	3.606.780.821
Cộng	30.722.236.520	15.571.698.767

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	12.030.497.706	10.645.527.995
- Phí tư vấn tài chính		100.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu		210.822.581
Cộng	12.030.497.706	10.956.350.576

5. CHI PHÍ SXKD THEO YẾU TỐ CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.239.004.489	3.544.438.183
- Chi phí nhân công	5.742.949.663	7.263.547.479
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.648.517.937	1.818.581.466
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	6.238.541.051	371.034.145
- Thuế, phí, lệ phí	1.945.655.923	193.898.520
- Dự phòng/hoàn nhập DP phải thu khó đòi	218.175.000	31.500.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.835.008.458	73.971.241.597
- Chi phí khác bằng tiền	20.000.000	192.416.961
Cộng	31.887.852.521	87.386.658.351

Trong đó bao gồm

a. Chi phí sản xuất

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.239.004.489	3.544.438.183
- Chi phí nhân công	1.712.300.000	3.245.898.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	228.671.353	229.218.960
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ		14.070.009
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.172.711.759	70.373.515.664
- Chi phí khác bằng tiền	20.000.000	-
Cộng	14.372.687.601	77.407.140.816

b. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân công	386.682.386	575.751.465
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	248.929.669	235.076.592
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	54.218.688	134.777.153
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	577.170.069	156.537.840
- Chi phí khác bằng tiền		
Cộng	1.267.000.812	1.102.143.050

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN BỘ

Địa chỉ: Tổ 2, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

c. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân công	3.643.967.277	3.441.898.014
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.170.916.915	1.354.285.914
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	6.184.322.363	222.186.983
- Thuế, phí, lệ phí	1.945.655.923	193.898.520
- Dự phòng/ hoàn nhập DP phải thu khó đòi	218.175.000	31.500.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.085.126.630	3.441.188.093
- Chi phí khác bằng tiền		192.416.961
Cộng	16.248.164.108	8.877.374.485

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ		
- Thu nhập khác	765.683.937	4.500.000.000
Cộng	765.683.937	4.500.000.000

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Các khoản bị phạt vi phạm hành chính, thuế, phạt chậm nộp	309.726.188	331.181.121
- Lãi chậm nộp BHXH, BHYT, BHTN	739.650	3.415.894
- Chi phí khác	3.301.702.113	
Cộng	3.612.167.951	334.597.015

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.329.222.724	6.617.481.765
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.329.222.724	6.617.481.765
Chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	42.331.896.026	32.752.811.813
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	4.314.217.594	334.597.015
Các khoản điều chỉnh tăng	4.314.217.594	334.597.015
- Chi phí loại thuế	4.314.217.594	334.597.015
Lợi nhuận chịu thuế	46.646.113.620	33.087.408.828
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.329.222.724	6.617.481.765
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:	9.329.222.724	6.617.481.765

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	33.002.673.302	26.135.330.048
Các khoản điều chỉnh :		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	33.002.673.302	26.135.330.048
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	46.826.954	44.867.582
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	704,78	582,50

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.623.987.705		191.261.444.396	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	159.382.843.306	284.675.000	85.862.690.971	66.500.000
Các khoản cho vay	-		15.000.000.000	
Đầu tư ngắn hạn	136.243.208.010		108.746.487.316	
Đầu tư dài hạn	10.310.000.000		10.310.000.000	
Cộng	378.560.039.021	284.675.000	411.180.622.683	66.500.000

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Vay và nợ			474.079.700.000	474.260.893.556
Phải trả người bán, phải trả khác			34.751.660.730	43.258.460.495
Chi phí phải trả			4.477.881.783	220.458.523
Cộng			513.309.242.513	517.739.812.574

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN BỘ

Địa chỉ: Tô 2, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động đồng sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.623.987.705			72.623.987.705
Phải thu khách hàng, phải thu khác	159.382.843.306	-		159.382.843.306
Các khoản cho vay	-			-
Đầu tư ngắn hạn	136.243.208.010			136.243.208.010
Đầu tư dài hạn			10.310.000.000	10.310.000.000
Cộng	368.250.039.021	-	10.310.000.000	378.560.039.021
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	191.261.444.396			191.261.444.396
Phải thu khách hàng, phải thu khác	85.862.690.971	-		85.862.690.971
Các khoản cho vay	15.000.000.000			15.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	108.746.487.316			108.746.487.316
Đầu tư dài hạn			10.310.000.000	10.310.000.000
Cộng	400.870.622.683	-	10.310.000.000	411.180.622.683

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	173.941.300.000	300.138.400.000		474.079.700.000
Phải trả người bán, phải trả khác	34.751.660.730			34.751.660.730
Chi phí phải trả	4.477.881.783			4.477.881.783
Cộng	213.170.842.513	300.138.400.000	-	513.309.242.513
Số đầu năm				
Vay và nợ	176.982.093.556	297.278.800.000		474.260.893.556
Phải trả người bán, phải trả khác	43.258.460.495			43.258.460.495
Chi phí phải trả	220.458.523			220.458.523
Cộng	220.461.012.574	297.278.800.000	-	517.739.812.574

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

2. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	<i>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</i>	<i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	<i>Cộng</i>
Doanh thu thuần ra bên ngoài	399.775.562.907	119.046.122.732	518.821.685.639
Tổng doanh thu thuần	399.775.562.907	119.046.122.732	518.821.685.639
Chi phí bộ phận	386.502.092.129	88.317.787.364	474.819.879.493
Kết quả kinh doanh bộ phận	13.273.470.778	30.728.335.368	44.001.806.146
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	17.515.164.920		17.515.164.920
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(4.241.694.142)	30.728.335.368	26.486.641.226
Doanh thu hoạt động tài chính	30.722.236.520		30.722.236.520
Chi phí tài chính	12.030.497.706		12.030.497.706
Thu nhập khác	765.683.937		765.683.937
Chi phí khác	3.612.167.951		3.612.167.951
Thuế TNDN hiện hành	3.183.555.650	6.145.667.074	9.329.222.724
Lợi nhuận sau thuế	8.420.005.008	24.582.668.294	33.002.673.302

4. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**a. Các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Sản xuất và Thương Mại Khang Linh	Giám đốc Công ty CPSX và TM Khang Linh đến ngày 02/05/2019 là chồng trưởng ban kiểm soát Công ty
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thái Nguyên	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Giang Nam	Thành viên Ban Kiểm Soát
Ông Phùng Văn Thái	Tổng Giám Đốc
Bà Dương Thị Vân	Trưởng Ban Kiểm Soát
Ông Thân Thanh Dũng	Ủy viên HĐQT

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

b. Giao dịch mua bán với các bên liên quan như sau:

Tên đối tượng	Nội dung	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	
- Công ty CP Sản xuất và Thương Mại Khang Linh	Trả tiền hàng	363.000.000	
- Công ty CP Sản xuất và Thương Mại Khang Linh	Cho thuê nhà xưởng	132.000.000	
- Công ty CP Sản xuất và Thương Mại Khang Linh	Thu tiền cho thuê nhà xưởng	132.000.000	
- Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thái Nguyên	Mua hàng	38.126.493.716	
- Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thái Nguyên	Thanh toán tiền hàng	40.284.000.000	
- Ông Nguyễn Giang Nam	Bán căn hộ	430.000.000	
- Ông Nguyễn Giang Nam	Thu tiền bán căn hộ	430.000.000	
- Ông Phùng Văn Thái	Bán căn hộ	1.882.000.000	
- Ông Phùng Văn Thái	Thu tiền bán căn hộ	1.882.000.000	
- Bà Dương Thị Vân	Bán căn hộ	238.000.000	
- Bà Dương Thị Vân	Thu tiền bán căn hộ	238.000.000	
- Ông Thân Thanh Dũng	Bán căn hộ	698.250.000	
- Ông Thân Thanh Dũng	Thu tiền bán căn hộ	698.250.000	

c. Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban giám đốc trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	1.008.163.462	1.265.599.681
Cộng	1.008.163.462	1.265.599.681

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN BỘ

Địa chỉ: Tô 2, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	41,66	35,83
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	58,34	64,17
1.2 Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	56,63	51,25
- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	43,37	48,75
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Tổng Tài sản/Tổng nợ phải trả	Lần	1,77	1,95
2.2 Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	1,81	2,86
2.3 Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	0,52	1,30
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Lợi nhuận / doanh thu			
- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập khác	%	7,69	8,26
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập khác	%	6,00	6,59
3.2 Lợi nhuận / Tổng Tài sản			
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	3,74	3,17
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,91	2,53
3.3 Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	%	6,36	5,20

6. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán. Số liệu được phân loại lại cho phù hợp với số liệu kỳ này.

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Thị Hà Hương

Trần Thanh Hà

Phùng Văn Thái

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN BỘ

Địa chỉ: Tổ 2, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng (*)	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
Đầu tư vào công ty liên kết	157.160.000.000	-	157.160.000.000	119.000.000.000	119.000.000.000
Công ty cổ phần ITB Invest	65.000.000.000	-	65.000.000.000	44.000.000.000	44.000.000.000
Công ty cổ phần Bengal Việt Nam				75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty Cổ phần thương mại Tổng hợp Thái Nguyên	92.160.000.000		92.160.000.000		
Cộng	157.160.000.000	-	157.160.000.000	119.000.000.000	119.000.000.000

Phụ lục 01: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty liên kết
 Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ sở hữu cam kết	Tỷ lệ sở hữu thực tế tại 31/12/2019	Giá trị thực góp VND	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính
Công ty Cổ phần thương mại Tổng hợp Thái Nguyên	Tổ 24, phường Gia Sang, Tp Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	71.200.000.000	43,15%	43,15%	30.720.000.000	- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Bán buôn kim loại và quặng kim loại - Bán buôn vật liệu và thiết bị trong ngành xây dựng - Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - Xây dựng nhà để ở
Công ty cổ phần TTB Invest	Tổ 5, phường Quang Vinh, Tp Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	135.000.000.000	48,15%	48,15%	65.000.000.000	- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Cộng		206.200.000.000			95.720.000.000	

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính



GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2019

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE)

Công ty cổ phần tập đoàn Tiên Bò (mã chứng khoán TTB) trân trọng gửi tới Quý Ủy ban và Quý sở quan lời chào trân trọng nhất.

- Căn cứ vào thông tư số 115/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng từ ngày 01/01/2016
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần tập đoàn Tiên Bò lập ngày 30 tháng 03 năm 2020

Công ty chúng tôi xin có một số giải trình về biến động kết quả kinh doanh năm 2019 so với năm 2018 của Công ty như sau :

Chỉ tiêu	Thực hiện cả năm (đồng)		Chênh lệch	
	Năm nay (2019)	Năm trước (2018)	Giá trị (đồng)	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	518.821.685.639	377.075.422.971	141.746.262.668	37,59
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		459.090.909	(459.090.909)	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	518.821.685.639	376.616.332.062	142.205.353.577	37,76
4. Giá vốn hàng bán	474.819.879.493	342.664.753.890	132.155.125.603	38,57
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.001.806.146	33.951.578.172	10.050.227.974	29,60
6. Doanh thu hoạt động tài chính	30.722.236.520	15.571.698.767	15.150.537.753	97,30
7. Chi phí tài chính	12.030.497.706	10.956.350.576	1.074.147.130	9,80
8. Chi phí bán hàng	1.267.000.812	1.102.143.050	164.857.762	14,96
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.248.164.108	8.877.374.485	7.370.789.623	83,03
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	45.178.380.040	28.587.408.828	16.590.971.212	58,04
11. Thu nhập khác	765.683.937	4.500.000.000	(3.734.316.063)	
12. Chi phí khác	3.612.167.951	334.597.015	3.277.570.936	979,56
13. Lợi nhuận khác	(2.846.484.014)	4.165.402.985	(7.011.886.999)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.331.896.026	32.752.811.813	9.579.084.213	29,25
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.329.222.724	6.617.481.765	2.711.740.959	40,98



17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.002.673.302	26.135.330.048	6.867.343.254	26,28
----------------------------------------------	----------------	----------------	---------------	-------

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 so với năm 2018 tăng 26,28% tương đương tăng 6.867.343.254 đồng.

Nguyên nhân tăng:

1. Tổng doanh thu năm 2019 là 550.309.606.096 đồng, tổng doanh thu năm 2018 là 397.147.121.738 tăng so với cùng kỳ năm trước là 38,57% tương đương tăng 153.162.484.358 đồng.

Trong đó các chỉ tiêu có sự tăng trưởng đáng kể so với cùng kỳ năm trước:

+ Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ năm 2019 là 399.775.562.907 đồng, năm 2018 là 286.512.800.702 đồng, tăng so với cùng kỳ năm trước là 39,53% tương đương tăng 113.262.762.205 đồng.

+ Doanh thu bất động sản năm 2019 là 119.046.122.732 đồng, năm 2018 là 90.562.622.269 đồng, tăng 31,45% tương đương tăng 28.483.500.463 đồng

2. Doanh thu hoạt động tài chính năm 2019 là 30.722.236.520 đồng, năm 2018 là 15.571.698.767 đồng, tăng 97,30% tương đương tăng 15.150.537.753 đồng.

3. Tổng chi phí năm 2019 là 507.977.710.070 đồng, tổng chi phí năm 2018 là 363.935.219.016 đồng tăng so với cùng kỳ năm trước là 39,58% tương đương tăng 144.042.491.054 đồng. Mức tăng này ít hơn 9.119.993.304 đồng so với mức tăng doanh thu toàn ngành so với cùng kỳ năm trước.

Từ những chỉ tiêu trên đã làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2019 tăng hơn so với năm 2018 là 29,25% tương đương tăng 9.579.084.213 đồng; và lợi nhuận sau thuế năm 2019 tăng hơn so với năm 2018 là 26,28%, tương đương tăng 6.867.343.254 đồng.

Trên đây là nội dung giải trình về kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Bộ. Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Bộ kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban giám đốc;
- Phòng TC - ĐT;
- Lưu Văn thư;

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TIỀN BỘ



PHÙNG VĂN THÁI

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN BỘ

THÁI NGUYÊN, NGÀY 20 THÁNG 04 NĂM 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phùng Văn Thái



Tien Bo Group Joint Stock Company (Tien Bo Group)

Tel: (84-208) 3 756 699

Mã chứng khoán: TTB

Web: www.tienbo.vn

Email: Chungcutienbo@gmail.com